AN NAM

TẠP-CHÍ

XUẤT BẢN NGÀY THỨ BẢY

NĂM NHÂM-THÂN SỐ 39 — NGÀY 30 AVRIL 1932

27/5/32

DÉPOT-LÉGAL
RÉSIDENCE SUPÉRIEURE
TONKIN

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
Nº 17536

安南雜誌

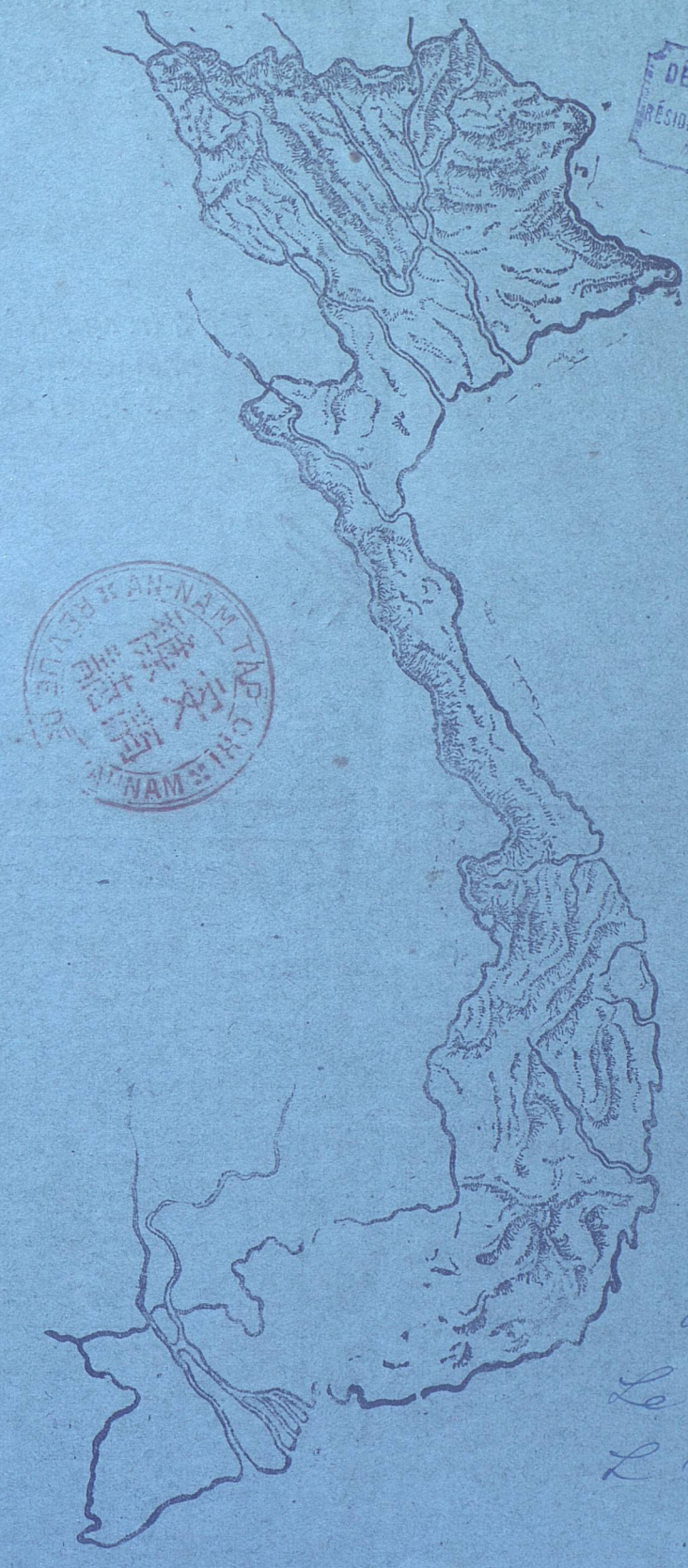

Directeur :
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Administrateur :
NGÔ-THÚC-ĐỊCH

GIÁ BÁO

	Trong nước	Nước ngoài
Một năm .	5$00	7$00
Nửa năm .	2,60	3,80
Một số . .	0,10	0,15

BIBL. CENTR. HANOI
119

Toa bao : 72, Phô hàng Khoai - Hanoi

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Thiếu Đăng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Khẩn-cáo

Bản-chí lần này tái bản được phần nhiều các ngài đại-lý ở các nơi sẵn lòng cổ-động, nên số độc-giả vẫn một ngày một tăng. Lại quý-hóa nhất là về việc tiền nong, tháng nào cũng tính toán trao giả sòng phẳng, vậy xin tiện đây ngỏ nhời kính tạ. — Duy có một vài ngài ở xa có lẽ vì bận việc quá mà sơ nhãng nên mãi đến nay cũng chưa cho biết việc tiêu-thụ ra sao. Tuy đã có thư nhắc hỏi, mà vẫn chưa nhận được giấy trả lời của các ngài. Vì không muốn để các vị độc-giả phải phiền lòng, nên Bản-chí vẫn gửi báo tiếp, nhưng đương buổi kinh-tế khó-khăn này, những điều như vậy, thật rất thiệt-thòi cho bản-quán.

Vậy trước khi thưa rõ từng ngài trên Bản-chí, xin ân-cần nhắc lại một lần này nữa, mong rằng các ngài lưu-ý cho.

Đa hạnh

An-Nam Tạp-Chí

☆☆☆

Vì muốn cho phổ-cập, nên từ trước tới nay, bản-chí bán ở trong ngoài vẫn có một giá. Nay vì nhà giấy thép tăng giá bưu-phí (mỗi số 0$02) nên Bản-chí phải tăng giá mua năm ở bên ngoài: một năm là 7p,00, nửa năm là 3p,80. Xin các vị độc-giả ở Hải-ngoại chú-ý.

MÔN THUỐC TRỊ BỆNH

đau dạ dầy, ăn chậm tiêu, dầy da lụng rất tài

Thuốc này của nhà Y-học trứ-danh Trung-hoa phát-minh ra, đã chữa được nhiều người khỏi, dù bệnh mới phải, hay đã lâu năm, uống vào lập tức hiệu nghiệm. Thống trị hết thảy các chứng như: đau bụng, đau bão, đau ngực, đau tim, đau gan, đau ruột, đau cạnh sườn, đau dạ dầy, ăn uống chậm tiêu, dầy hơi nôn oẹ, hoặc ăn vào thổ ra, hoặc khi no đau, hoặc khi đói đau, lúc đau lúc không như người giả cách, có người hay đau về mùa lạnh, có người hay đau về mùa nóng, có người thường đau quanh năm, có khi đau nổi hòn, nổi cục lên, rồi lại tan như không, hoặc đàn-bà đẻ-con hư lạnh, huyết-độc tích kết mà sinh ra đau v..v... Dùng thuốc này đều được khỏi cả

Mỗi ve 1$00 — 6 ve 5$00

Bán tại **Á-CHÂU DƯỢC-PHÒNG**

N° 127, hàng Bông — Hanoi

Các ngài ở xa gần nên đến, hoặc viết thư về kể rõ ràng căn bệnh, mà mua theo cách lĩnh-hóa giao-ngân rất được nhanh chóng và cẩn thận.

THAY HUYẾT XẤU, SINH HUYẾT TỐT

MỘT CÁCH RẤT TÀI!

Nguyên thứ **Nhân-tạo huyết** là của nhà Y-học Trung-hoa sáng chế ra, mùi thơm vị ngọt, bổ huyết rất mạnh, chỉ uống trong một chai là thấy công hiệu ngay, nên xưa nay đã được Xã-hội hoan-nghênh và công nhận là một thứ thuốc Bổ-huyết rất hay, có thể thay huyết xấu sinh huyết tốt cho thân thể người. Vậy ngài nào lao tâm quá độ, tim huyết hư nhược, tinh-thần mỏi mệt, kém ăn ít ngủ, hoặc ốm mới khỏi dậy, da thịt xanh xao, thân thể gầy còm gân cốt yếu đuối, hoặc ham mê sắc dục, âm hư huyết nhược, tâm thận suy bại, tinh khí bất cố, hoặc đàn bà khí huyết xấu kém, kinh kỳ bất điều, dong huyết, băng huyết, bạch đái, sản hậu ít sữa, chóng mặt rức đầu, và các chứng thuộc về huyết hư v. v. Nam, Nữ, Lão, thiếu đều dùng được cả. **Mỗi chai 1p.50 (6 chai) 7p.50**

NGŨ-TINH DƯỢC PHÒNG

114 Phố hàng Bông — Hanoi

Ngài nào ở xa xin cứ viết thơ về kể bệnh mua thuốc, gửi theo cách lĩnh hóa giao ngân, rất được nhanh chóng và cẩn thận, và có gửi bán tại:

Hiệu An-lạc, 41 phố Hậu-an Sơn-tây.

Hiệu Đông-châu 223 phố Tiền-an Bắc-ninh.

Hiệu Sinh-huy 44 Av. Maréchal Foch Vinh.

TÔI THẤT-VỌNG VỀ ÔNG PHAN-KHÔI

Ôi ! cũng vẫn còn là cái học vào lỗ tai ra lỗ miệng

Trong nước này, những ai đã là dân Nam-Việt, mỗi khi nghe trong đám lão - thành có vị nào lỗi-lạc xuất sắc, danh nổi như phao vì tài học, thì cũng phải có lòng mừng, mừng cho trong nước có người. Tôi dầu có thế nào chăng nữa cũng quyết tự nhận là một người dân trong nước, bởi vậy tôi cũng có lòng mừng như các người ấy, tôi đã mừng về ông Phan-Khôi.

Hiện nay, trong làng chữ nho, trừ các ông A, ông Z ra, người ta muốn « co tay »!! kể ông Phan-khôi lần thứ nhất. Ông Phan là một nhà đại danh-nho, đại tư-tưởng, đại lý - thuyết và lại là một tay đại « lô-dích-xiêng » nữa (1).

Thật vậy, ông Phan đã có phen khai cuộc « bút-chiến » — cái này mới thật là « bút-chiến» chứ — cùng ông Trần-trọng-Kim về sách Nho-giáo. « Đình - chiến » được ít lâu ông lại khởi « thế-công », khai một cuộc « bút - chiến » khác — cái này cũng thật là cuộc « bút - chiến » nữa chứ — cùng ông Lê-Dư về vấn-đề quốc-học.

Ông đã có phen hô - hào cảnh - cáo những nhà « học - phiệt » (2), làm cho quốc - dân đã được hưởng cái thú đọc bài trả lời « mát-mẻ » của ông Phạm-Quỳnh.

Ông đã có phen đem tài hùng-biện ra trước tòa án dư-luận làm trạng-sư cãi « thí » để « thân oan » cho « bà vua Võ-hậu, đã chọn cung nhân bằng đàn - ông, để mua vui trong lúc vạn cơ chi hạ » (theo lời ông).

Ông đã có phen thuyết-lý về môn « Lô-dích» (logique) (3) là môn ông rất sở-trường, và ông cũng đã đem cái thuyết « xưng-hô» ra giảy đời nữa.

Vừa đây, ông lại ra công « sáng chế » ra một lối thơ « tân - thời, tự-do đặc biệt », không cần niêm-luật, tự ý vắn dài, làm cho nhiều người « hoài cổ» phải ngậm - ngùi thương tiếc, « tám vế» luật Đường!! có lẽ vì sự phát-minh lối thơ mới này mà phải mai-một đi chăng?

Đó, cái công-trình vĩ-đại của ông Phan-Khôi đối với quốc-văn là thế, cho nên văn - tài ông được nhiều người bái-phục, như lời ông chủ-bút báo Đông-tây Hoàng-tích-Chu đã nói rằng : « bạn Phan - Khôi » của ông có một bên (xin hiểu là một số người) coi là « *Léon Daudet* » của Việt-Nam!! (4).

Coi bấy nhiêu đó đủ biết văn-tài của ông Phan «cử» lắm rồi, cũng đủ cho quốc - dân mừng.

Vậy mà trái đất xoay mình đâu chừng hai mươi vòng, nghĩa là kể từ ngày tôi đọc bài của ông Phan-Khôi đăng trên báo Đông-tây số 160 (6-4-32) đến nay chừng ba tuần-lễ, thì bỗng đã làm cho tôi thất vọng!! Tôi hay vậy, dạo trước đừng coi báo Đông-tây là hơn, mà cũng đừng mừng chi về tài ông Phan-Khôi là hơn!!

Xin độc-giả chịu khó giở tờ Đông - tây số 160 ra ngày 6 - 4 - 32 mà đọc lại bài của ông Phan - Khôi nơi cột 5 ở trang nhất, thì liền thấy sự thất-vọng của tôi là có căn-cứ. Sự thất-vọng của tôi về ông Phan-Khôi là do ở cái cách « xưng-hô » bất lịch-sự của ông đối với ông Nguyễn-tiến-Lãng, cái cách xưng-hô đó đã tỏ ra rằng ông Phan - Khôi không nhớ cái lễ độ của học-giả và quên mất cái thuyết «vô bất kính » của làng nho.

Vậy, tôi cứ theo như cái « sự ngay thật người luận - biện phải giữ » mà kể cái cách xưng-hô của ông Phan trên tờ Đông - tây số 160 như sau này : Bắt đầu ông viết « Ông Nguyễn-tiến-Lãng», sau đến « Lãng ta », sau đến « Va » !! Sau đến « Tiến-Lãng », sau lại « ông

---

(1) Tôi để chữ lo-gi-xiêng, vì tôi không biết dịch chữ phú-lăng-xa này ra chữ Hán.

(2) Tôi cũng hiểu nghĩa rõ hai chữ Học-phiệt này, ai muốn rõ nghĩa xin mở tự vị Khang Hi ra, nếu không thấy viết thư thỉnh giáo ông Phan-Khôi.

(3) Chẳng biết độc giả có hiểu lô-dích không, chứ Ngu này xin thú thật là không hiểu và coi như một môn rất huyền bí.

(4) Cái này tôi cũng không hiểu thế nào là Léon Daudet của Việt-Nam, ai muốn rõ nghĩa, xin viết thơ thư thỉnh giáo ông chủ bút Đông tây.

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Nguyễn-tiến-Lãng, Nguyễn-tiến-Lãng, và Lãng trống trơn, vân vân...

Không những riêng cách xưng-hô bất-lịch đó, ông lại còn mở cuốn «tự-vị riêng» mà dùng những tiếng: «xỏ-lá, ba que» (xin lỗi độc-giả tôi cũng không hiểu nghĩa rõ) trên bài luận-thuyết « tràng giang đại hải » của ông (Đông-tây số 161 cột 5 trang 1) như vậy thật là thiếu cái vẻ lễ-độ đối với công-chúng nữa.

Vì ông quên, nên tôi xin nhắc trên trí-nhớ ông rằng : về cách xưng-hô, dù cổ-kim, Âu Á, cũng rất lấy làm thận-trọng. Người Âu thường kêu họ ; ví dụ : M. Herriot, hay kêu cả tên lẫn họ : M. Edouard Herriot, chỉ trừ thân thích họ hàng mới kêu tên tục trống-trơn mà thôi : Edouard, Paul, v. v.

Người Tầu cũng có cách xưng hô rất nhã : Phan tiên-sinh, Nguyễn-quân, Phạm đại-nhân, v. v... và dù có kêu tên cũng kèm cả họ vào, ví dụ : Tôn-Khoa, Uông-tinh-Vệ, v. v.

Vậy mà ông Phan-Khôi lại hình như muốn phát-minh ra một cái thuyết xưng-hô « mới », một « mốt » xưng-hô tự-do tân-thời nghĩa là kêu người ta bằng tên tục : Lãng ta thế nầy. Lãng ta thế khác. . . . .

Vậy tôi xin « phân bua » và giới-thiệu cùng chư quý độc-giả, cái cách xưng-hô đó — mà tôi cho là bất lịch-sự hay là vô lễ — của ông Phan-Khôi, là người đã được hấp-thụ cái học thuyết lễ-nhượng của Khổng Mạnh, là người đã dám nói như thầy Tăng-Tử ngày xưa : « một ngày ba lần soát lại mình !!! », là người đã tự xưng là « dù có thế nào chăng nữa cũng quyết không tự nhận là tiểu-nhân !, có ai xô đẩy (mà ai xô đẩy làm chi ?) là cũng chen tới cho được (có chen được thì cứ chen) mà theo sau hàng quân-tử. » Ngu này trộm nghe : « Quân-tử kính nhi vô thất, dữ nhân nhi hữu lễ », xin trình Phan Tiên-sinh nhã giám và cho phép ngu này hô lớn : « Tôi thất-vọng về tiên-sinh ! ! »

Thật vậy, bà con chớ thấy ông Phan-Khôi viết quốc-văn hay, khai nhiều « cuộc bút chiến » với các văn-sĩ ở cõi Đông-Pháp, thuyết lý về « Lò-dích », đọc thông được báo l'Annam Nouveau, mà mừng vội.

Tôi nói thật, từ nay mà đi, nếu ông Phan-Khôi không tỉnh-ngộ ra mà quay đầu về con đường *lễ-nhượng* thì hai chữ « Phan-Khôi » trong làng văn-học nước Nam kể cũng như cái *thái giả bị sảo*, chớ chẳng có gì mà mừng.

Tôi đọc bài « Ôi ! cũng vẫn còn là cái học vào lỗ tai ra lỗ miệng » của ông (Đông-tây số 160) thấy ông giảng về chữ « *polémique* » thì tôi phải đoán quyết rằng ông hiểu nghĩa chữ polémique lắm, tôi lật-đật tháp hương thỉnh giáo cụ Thánh La-Rút (Larousse) thì ra cụ truyền phán cũng như ông : Polémique là dispute de plume ! ! : ví dụ : polémique littéraire, religieuse. Tôi chưa hiểu nghĩa chữ dispute-thì cụ Thánh La-Rút lại giảng là débat contradictoire, vậy xin phục tài ông Phan-Khôi giảng trúng lắm, trúng lắm !

Nhưng, tuy ông Phan-Khôi có văn tài mặc dầu, tuy ông Phan-Khôi « hay tám vạn ngàn tư mặc kệ », mà không có lễ-nhượng, khiêm-tốn thì cái học của ông Phan-Khôi thật chẳng có tâm-đắc gì hết. Ông viết quốc-văn có tài thật, song chỉ có tài trên văn-tự đó thôi. Những chữ « Tiểu-nhân, quân-tử, học-giả, Tăng-tử », vào lỗ tai Phan tiên-sinh từ hồi tiên-sinh còn cắp sách theo thầy, rồi nó trọn cái lúc ra được thì nó ra từ lỗ miệng tiên-sinh là lúc bây giờ, là lúc tiên-sinh viết báo, chứ chẳng có cái gì giỏi hết.

Tôi rõ thất-vọng về ông Phan-Khôi. Và tôi xin vì ông Phan-Khôi mà than rằng : « Ôi ! cũng vẫn là cái học vào lỗ tai ra lỗ miệng) »

Vân-bằng

書叢局書泛拿

Tản-Đà thư-cục tùng-thư

Tản-Đà Văn-tập

Quyển nhất

đã có bán. — Giá : . . . 0$32

Thề non nước

Đã ra Giá . . . . **0$20**

THƠ GỬI CHO BẠN VỀ VĂN-PHÁP VIỆT-NAM

II

Trương quí-huynh,

Đệ đã nhận được thơ phúc-đáp của quí-huynh. Quí-huynh cũng biểu đồng tình với đệ về sự chia danh-tự Việt-Nam ra làm mấy hạng. Nhưng quí-huynh chưa nhận rõ làm sao lại chia ba mà không chia bốn hạng theo như bốn quán-tự chính: *người*, *con*, *cái*, và *sự*, đệ kể trong thư trước.

1. — Hai quán-tự *con* và *cái không bao giờ* có thể dùng lẫn với chữ *người* và chữ *sự* được.

Có chứ! quí-huynh sắp giả lời. Thằng vũ-phu kia vẫn gọi người vợ nó là con vợ. Vậy chữ người chả có khi dùng lẫn với chữ con đó ru? Đó là một cái «ca» riêng, dùng lẫn như thế mà thóa-mạ.

Một cái «ca» riêng nữa là khi đứa con gái còn nhỏ, hoặc không đáng quí-trọng, ta gọi nó là con Ç hay là cái X. Nhưng X đây lại là danh-tự riêng (nom propre).

Vậy hai cái «ca» đó, ta chỉ nên coi là hai cái biến-lệ. Ngoại ra, không bao giờ người thợ, người học trò lại có thể gọi là con thợ, con học trò, hay cái thợ, cái học trò, sự nghĩ không thể gọi được là cái nghĩ hay con nghĩ.

Như thế đủ biết vật-danh-tự phải cần phân biệt với nhân-danh-tự và sự-danh-tự vậy.

2. — Trái lại hai quán-tự *con* và *cái* dùng về vật-danh-tự *có khi* dùng lẫn được với nhau, như đệ đã nói trong thư trước.

Con người (người đây nghĩa là con vật thượng-lưu, không có ý thóa-mạ) có khi gọi là cái người, con cò, con vạc, con nông... gọi là cái cò, cái vạc, v. v...

Hoặc cái sông, cái ngòi, cái dao, cái mắt... gọi là con sông, con ngòi, con dao, con mắt...

Tuy chữ *con* và chữ *cái* có nghĩa khác nhau một cách rất rõ ràng như đệ đã giải-thích trong thư trước, nhưng cái lẽ có thể dùng lẫn hai chữ với nhau, mà lại có ý tùy ngọn bút nhà thi-sĩ, cũng đủ khiến ta không nên chia vật-danh-tự ra làm hai hạng vậy.

Đến đây, đệ xin mở một giấu ngoặc.

Tiếng ta là tiếng độc-vận, mỗi tiếng *vẫn coi* là một chữ, nên trong văn phần nhiều chữ *tiếng* và chữ *chữ* thường dùng lẫn lộn với nhau ví như hai câu này:

a) Chú ta là hồ-lỳ mà đọc đến hai *chữ* hồ-lỳ là chú bực-tức, coi là khinh bỉ chú.

b) Châu-chấu tàn-phá mùa màng tỉnh Nghệ, đến nỗi nói đến hai *tiếng* châu-chấu, đồng bào tỉnh Nghệ đã rựt mình.

Tuy câu trên có chữ đọc đi kèm với chữ *chữ*, câu dưới có chữ nói đi kèm với chữ *tiếng*, nhưng thường thường chữ *chữ* ở câu trên có thể lấy chữ *tiếng* mà thay vào, cũng như chữ *tiếng* của câu dưới có thể dịch chỗ cho chữ *chữ* vậy. Nghĩa là hai chữ đó cùng nghĩa với một chữ «một» trong văn Pháp.

Không những thế, chữ *tiếng* và chữ *chữ* đều có thể đem dịch một chữ «langue» của Pháp-văn! Thực vậy, «tiếng Pháp nói lầu» hay «chữ Pháp nói lầu», viết chữ Tây « thạo » hay «viết tiếng Tây thạo», hai cách nói không khác gì nhau. Qui-huynh cứ rở báo hàng ngày đủ thấy lời đệ nói không sai sự thực.

Vậy mà, trong tiếng thông-thường thì thế, kỳ thực hai chữ «tiếng» và «chữ» có phải không có nghĩa khác nhau đâu!

Chúng ta đã dám mạnh bạo bàn đến văn-pháp, tưởng hai chữ đó ta cũng nên tế-nhận, để sau này trong thư-từ phải dùng đến các chữ đó, chúng ta khỏi hiểu lầm nhau.

Hãy để riêng cái nhẽ: chữ là dấu-hiệu để ghi chép tiếng. Theo nghĩa rộng đó thì bất cứ tiếng nào có thể dùng dấu-hiệu mà ghi chép được, cái dấu-hiệu đó tức là chữ. Ò, oeng, buynh.., viết ra như thế tức là chữ vậy.

Nhưng ta sinh ra chữ không phải tiếng gì cũng ghi-chép. Chữ không phải là những dấu-hiệu xuông mà là những dấu-hiệu có hồn, có cá-tính, khiến mắt ta nom thấy mà nhớ ngay cái vật hay cái ý-tưởng mà nó là biểu-hiệu. Bởi vậy, trong các văn-tự đã tiến-bộ nhiều, như văn Pháp chẳng hạn, những chữ đồng-âm phải viết khác nhau, để mỗi chữ có cái hồn, cái cá-tính đó.

Vậy theo nghĩa hẹp, tiếng không tất nhiên là phải có nghĩa, như ò, oeng, buynh... nhưng đã gọi là chữ tất phải có nghĩa-lý phân minh.

Chữ quốc-ngữ từ khi dùng làm quốc-văn quốc-tự đã thu được cái hồn, cái cá-tính đó chưa?

Không phải nghĩ ngợi, qui-huynh cũng có thể giả lời rằng chưa. Vì chữ chưa luyện được hồn, nên con cháu Việt-Nam nhìn tới chữ mới có người lãnh đạm như nhìn bức tượng xấu vậy. Quá thế, ta thử viết một chữ, *báo* chẳng hạn, đưa cho mọi người, hỏi xem họ có quan niệm hay có cảm-tình gì chăng? Có chăng nữa, thì cũng hồ-đồ, rối-rít, vì biết nghĩa *bao* là gì? Báo thù, tờ bao tin-tức, hay là con thú-vật trên rừng? Muốn đem cái hồn mà cột cho chữ *báo* ấy, cũng như thư trước đệ đã nói, tat phải tự hỏi nó là sự báo, cái báo hay là con báo. Nghĩa là ta phải làm thêm một việc trong óc (opération intellectuelle) nữa mới tiếp-nhận (nói là muon đoán ra có lẽ đúng hơn) cái vật hay cái ý-tưởng mà chữ *báo* đó là biểu-hiệu.

Xem vậy thì danh-tự tiếng Việt-Nam chia ra làm ba hạng không những là lẽ *tự-nhiên*, ai cũng phải công

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

nhận mà công-nhận một cách không ngờ, mà lại là một lẽ *tất-nhiên*, để sau này trong ngôn-ngữ và văn-tự, tiếng và chữ có một cái hồn riêng, vì hồn càng rõ-rệt, mật-thiết với chữ bao nhiêu, văn-chương càng tiến-bộ bấy nhiêu vậy.

Nhưng đó mới là nói đến những chữ đồng-âm dùng để chỉ các vật khác nhau hẳn, như chữ *báo* trên này chỉ: một sự hành-vi, một tờ giấy và một con thú rừng.

Những chữ đó không khéo cũng để cho độc-giả — nhất là độc-giả ngoại-quốc, mới học tiếng ta — lẫn chữ nọ với chữ kia rồi. Huống chi lại còn những chữ đồng âm mà nghĩa có liên-lạc với nhau (mot homonyme de même famille)! Những chữ này, đến người Việt-Nam cũng nhiều người vẫn cho là một chữ.

Ví như «những» chữ ăn:

Người *ăn* (le mangeur): nhân-danh-tự.

Cái *ăn* (l'aliment): vật danh-tự.

Sự *ăn* (l'action de manger): sự danh-tự.

An (manger): động-tự.

Nấm *ăn* (champignon commestible): trạng-tự.

Quí-huynh thử nghĩ xem, có phải những chữ ăn này, tuy cùng âm, cùng chữ, mà phải khác nhau không?

Nhưng phân thế để làm gì? Khi dùng đến tiếng *ăn* thì nghĩa nào nó cũng vào nghĩa ấy chứ sao?

Đành rằng thế. Song ta không nên quên cái mục-đích của ta khi luyện-tập quốc-văn, chỉ cốt sao cho quốc-văn càng ngày càng thêm gẫy-gọn, sáng-sủa, không những chữ nọ không được lẫn với chữ kia, mà ý-tưởng này ta không nên để cho ai nhầm với ý-tưởng khác.

Khi ta nói «người ăn kẻ nhịn», là ta đạt cái ý-tưởng gì đó? Có phải ta trú-trọng ở sự tương-phản của chữ ăn và chữ nhịn đó không? Vậy hai chữ *ăn* và *nhịn* đó trong quan-niệm (concept) của ta tất phải là động-tự.

Nhưng khi ta nói: « người ăn thì cười, kẻ nhịn thì khóc», ta trú-trọng ở chữ cười và chữ khóc, trong quan niệm ta tất phải thấy «ăn» là một nhân-danh-tự đi theo quán-tự của nó (le mangeur). Kẻ nhịn cũng vậy. Chữ kẻ dùng thay cho chữ người, sau này để xin nói tới trong mục quán-tự. (*Nhịn* đây tức là một nhân-danh-tự vậy (l'abstinent).

Các chữ *ăn* khác cũng thế, nếu khi dùng đến, ta có quan-niệm rõ ràng vì nghĩa của chúng, ta sẽ không mắc phải những câu hình như xuôi xuôi, mà kỳ thực không sao giải-thích được, như:

«Sự ăn phải cho sạch-sẽ».

«Cái ăn là sự nợ», v. v...

Thực vậy, một sự hành vi thế nào là sạch-sẽ? Hay là theo nghĩa bóng, sạch sẽ nghĩa là đứng-đắn, quân-tử? Không phải, sạch-sẽ đây dùng vào nghĩa đen, ý tác-giả câu này chỉ cốt nói: «ăn phải cho sạch-sẽ». Trong câu sau, cái ăn là một vật, cho dù hữu-hình hay vô hình theo nghĩa đen hay nghĩa bóng nữa, cũng không giải nghĩa là một sự đi vay nợ được.

Người ta thường nói: «xét văn chương có thể biết được dân-tộc». Điều đó, có lẽ cứ xét riêng về cái quan-niệm dùng chữ (conception des mots) cũng đủ chứng nghiệm được một phần. Một dân-tộc dùng chữ một cách lờ-mờ tối-tăm quả nhiên tối tăm, quả nhiên tối-tăm lờ-mờ thật! Óc của dân-chúng đại-đa-số mập-mờ, ý-tưởng trừu-tượng một chút là khó hiểu cho đến nơi, mà có hiểu cũng khó đạt ra cho rõ-ràng được.

Dân-tộc ta chính đang là một dân-tộc đó. Cho đến khi nào, mỗi tiếng không coi là một chữ, trong óc dân-chúng, nghĩa tiếng ăn chang hạn, không vừa là cái ăn, sự ăn, thức ăn, v. v..., nghĩa là có cái quan-niệm về từng nghĩa tiếng *ăn* cho rành mạch, cho đến ngày ấy, óc dân ta còn phải lung-tung, rối-rít, mập-mờ, mà tiếng Việt-Nam ta còn phải ở vào cái địa-vị thấp-kém vậy.

Muốn chữa cái óc mập-mờ ấy, về phần cá-nhân, cố-nhiên là phải ra công hàm-súc, nhưng về phần dân-chúng, tất phải có một quyển tự-điển giải-thích từng chữ một cho vừa kỹ-càng vừa rành mạch, để giúp sự học quốc văn.

Về phần kỹ càng thì quyển Việt-Nam tự-điển của hội Khai-Trí có thừa, ta nên rất hoan-nghênh. Sau này, quyển đó chắc cũng cấp cho ta rất nhiều tài-liệu.

Nhưng về phần rành-mạch thì quyển đó thiếu hẳn. Ví dụ một người ngoại-quốc mới học tiếng ta, chưa biết nghĩa chữ *ăn*, mà tra đến, tất người đó không hiểu được nghĩa của nó thế nào. Óc người đó có phân-minh khúc-triết đến đâu, trông tới mười ba (!) nghĩa chữ ăn, giảng và thí-dụ trong ngót bốn trang giấy rộng, cũng đến phải rối-rít mập-mờ như óc phần nhiều người Việt-Nam ta vậy.

Kính thư

Nguyễn-cát-Ngạc

Nạn hàng ngày

Ủa! cái gì chứ nạn hàng ngày thì ở nước ta cũng có vô-số, bà tất cứ phải nói mãi chuyện bên Tây. Nhưng ở bên Tây có nhiều cái chuyện lạ lắm kia, một tờ báo Anh mới làm một bản thống-kê các tai nạn lạ-lùng không ai có thể ngờ có được xảy ra trong một năm 1931.

Như ở Bá-linh một chàng « ăn sương» bị người ta đuổi, nhảy phắt lên mái nhà chạy trốn. Chẳng may cu-cậu dẫm phải một cái cửa kính xây trên nóc (fenêtre à tabatière), kính vỡ, cu-cậu tụt hẳn người xuống cái kho «súc-sích» của một hàng thịt. Đừng ai mừng cho hắn vội. Hắn vừa ngã xuống, mắc ngay cổ vào mấy vòng súc-sích ặc-ặc chết liền.

Câu chuyện ấy đã lạ, nhưng còn có chuyện lạ hơn nữa.

Không biết điên hay gàn, hay là quá ngông, một chàng trẻ tuổi thành Vát-sô-vi nhận cuộc uống một cốc nước săng — nước săng đốt máy ô-tô ấy. — Uống xong, nồm hôi quá, chàng bèn lấy một điếu thuốc lá hút cho... đỡ hôi. Đầu que diêm vừa đưa đến gần môi thì.... Pùng! một tiếng nổ cực to, anh chàng dại-dột kia tan ra từng mảnh. Tội nghiệp!

Còn nhiều chuyện lạ-lùng nữa. Chúng tôi chỉ ao-ước được biết tờ báo ấy lấy ở đâu những tin-tức có thể gọi được là « thú-vị » như kia...

DƯỚI NGỌN BÚT CỦA CỔ-NHÂN

PHỤ-NỮ' LA-MÃ

(Tiếp theo)

Các cách tự-do phóng túng của người đàn-bà La-Mã đã gây nên một cái «dịch», một cái dịch mà chị em Âu-Mỹ đang nếm bên cạnh dàn «mũi tẹt da vàng» : dịch «ly-dị» !

Trong khoảng mấy thế-kỷ trước cơn bại-tục, cái quan-niệm của cá-nhân đối với gia-đình rất xâu xa, nên không hay sảy ra nhiều việc ly-dị. Đối với pháp-luật, cái quyền bỏ vợ, bỏ chồng không có dính dáng gì đến. Muốn bỏ vợ, phải nhờ đến quyền người trong-họ. Trước hết, họ tổ-chức một tòa án trong gia-đình, trong số «quan tòa» ta thấy có bố mẹ của «phu-nhân», bố mẹ của «phu-quân», tất cả thân-thích hai bên. Theo những lẽ như sau này, thì người đàn ông mới có quyền «bỏ vợ : đầu độc, dâm-đãng, hoang-thai, ... và ... và chìa khóa giả.

Thế-kỷ thứ III, một lẽ nữa nới quyền «bỏ vợ» : không sinh đẻ được, một khoản «bất công» trong hình-luật cổ La-Mã.

Rồi từ đó giở đi : tự-do kết-hôn ! tự-do ly-dị !

«Các cụ» thật «ngông» hơn chị em Âu-Mỹ ngày nay nhiều. Chính-trị, kinh-tế... cho đến mọi cách ngông cuồng thắt vào cởi ra, rồi lại thắt vào đoạn giây tơ mỏng mảnh. Rồi văn-minh quá, ham «của lạ», «các cụ» cũng chẳng nề nhau bỏ phứa cả vợ lẫn chồng.

Nói ngay đến chuyện nhà hiền-triết (!) Cicéron. Cụ Cicéron cũng thế. Trong lúc xa vợ, xa con, nhớ «mẹ đĩ nó» (Térentia) thì cụ viết thơ về nào tôi thương mình, tôi nhớ mình . . . tôi không sao nén được «ngọn trào lòng» vì mình, con Tullia, cái «sú vơ nia» của chúng mình, nó vẫn khỏe đấy chứ... Rồi đến lúc cụ về nhà cụ cũng bỏ phứa cả cụ bà (vì cụ ba tieuhoang quả), cụ bỏ phứa «mẹ đĩ nó», cụ... cụ lấy... lấy cô con gái cụ đỡ đầu (pupille) vì cô này có của hồi-môn «tiêu được». Một năm sau, lúc bấy giờ cụ đã «sáu chục cái xuân xanh», cụ lại bỏ «mợ hai nó» vì mợ hai không tỏ ý thương tiếc con cụ, cô Tullia chẳng may thiệt phận. Mà cả « mợ hai nó » nữa, «xoàng» thôi ! mới độ ba đời chồng : một lần chồng chết, hai lần chồng bỏ...

Ly-di đã là một việc rất thường, một việc có thể biết trước được trong thời-kỳ bại-tục. «Ly-dị là một trái quả thường thường mọc ra ở cành chồng vợ» (le fructus matrimonii — Tertullien). Nhà văn-hào Sénèque đã phải-kêu : người đàn bà đồng thời với ông «bước khỏi việc hôn-nhân để rồi lại trở vào, trở vào rồi lại trở ra», họ «tính năm tính tháng không cần gì đến tên các nhà chính-khách đương-thời mà tính bằng tên các đức ông chồng họ đã trải qua» (non consulun numéro, sed maritorum annos suos compoutant). Một tấm mộ-chí còn lai có ghi tên một «bà vợ đứng hàng thứ bầy». Nhà văn Martial cũng kể truyện cô Thelesina lấy hơn mười ông chồng. Matial phải kêu to rằng : «đến một ả giăng-há cũng không đến nỗi thế !» (Quae nubit toties, non nubit ; adultera lege est — Epigr). Câu nói đó không quá đáng, nếu ta xét đến các án «ngoại-tình» thường sảy ra hàng ngày.

Trong cuốn Se tranquill animi của Plutarque (nhà chép sử-ký và luân-lý nước Hi-Lạp), tác-giả có nhận được một việc thương-luân thường sảy ra : nhiều bà lại «quá yêu» anh kép hát. Sénèque cũng nhận có thế. Sau này, Tertulien cũng nhận có thế (cuốn se Spetac). Lắm anh kép lại được ba hoang, bà chúa thương đến. kép Mnester, nhân-tình bà hoàng Messaline ; chàng Paris — không phải là Paris ở trận-địa thành Troie — Người yêu của Domitia ; hoàng-đế Marc Aurèle (phái stoïciens !) biết nhắm mắt bỏ ngơ những cái sở-thích na ná như thế (yêu anh kép hát !) của hoàng-hậu Faustina... Còn nữa !

Lại còn một cái «gu» nữa. Cái sở-thích này cũng thú-vị, các bà còn yêu những kẻ tù-nhân hay nô-lệ được vào tỉ-thí trong lôi-đài (cirque) mà dân La-Mã gọi là «gladiator» (gladiateur). Chàng Caladus người xứ Thrace có tên khắc trong một tư-gia ở thành Pompéi (cái nhà đã đào thấy trong năm 1889). Anh Cressens, múa lưỡi và đoản-đao (rétiaire) được thiên-hạ cho cái tên «chủ-nhân-ông các cô gái còn non» (puparum)

Những câu truyện trích ra đây, chân-lý thì chưa biết thế nào, chứ còn về phần thực-trạng (réalité) thì đã có nhiều. Vì con mắt với cán bút của các nhà «ký-giả như Sénèque với Tacite không phải là vừa.

Trước khi ngừng cán bút về vấn-đề «phụ-nữ La-Mã đối với gia-đình», tôi xin trích trong cuốn Germanie của Tacite một đoạn nói về đàn-bà Nhật-nhĩ-man (germaine). Ta nên để ý đến chỗ dụng-ý của Tacite trong khi viết đoạn này : Tacite lấy nước Germanie ra để khen ngợi phụ-nữ Germanie vì nước Germanie là cừu-địch của dân Cổ-La-Mã.

«Phụ-nữ (phụ-nữ' Germanie) sống ở trong một mảnh giáp che kín một phiến thanh-tâm. Ca xướng, rượu trẻ, những cách làm cho người trụy-liệt, họ đều-ngăn giữ' được. «Thơ-tín riêng» thì đàn ông cũng không biết đến huống chi là đàn-bà. Trong một nước nhân-dân đông-đúc như thế mà không sảy ra nhiều việc tà-dâm ; nếu có, hình-phạt theo liền, người chồng có quyền - hành đến hình-phạt đó. Sau khi đã cạo gáy (cái tục này giống cái tục «cạo gáy bôi vôi» của nước ta vài năm gần đây) lột phăng cả quần-áo con dâm phụ, người chồng lấy roi đuổi ra khỏi cửa, bêu qua lang xóm, trước mặt họ

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

hàng thân-thích. Người đàn bà có biết hổ-thẹn, cũng không sao tha thứ được. Rồi dù người đó nghiêng nước nghiêng thành đến đâu, tiền nghìn bạc vạn đến đâu, cũng không còn ai dám «rước về» nữa. Vì nhân-dân nước đó không ai «cười cợt» với đồi-phong bại-tục; làm hại người hay để người làm hại mình không phải là «phong-trào của thế kỷ»... Người con gái chỉ lấy một người chồng, vì họ chỉ có một thân người và một đời người; ý-tưởng, tưởng-vọng của họ không đến chỗ cực-đoan, đến chỗ phá-hoại; họ chỉ trọng «tinh-thần hôn-lễ» chứ họ không đắm mê chồng họ (?)».

* * *

C— *Người đàn-bà La-Mã ngoài xã-hội.* — Đối với gia-đình, các bà materfamilias, dominas, chỉ là hạng «sống thừa» thì đối với xã-hội, người đàn-bà La-Mã cũng là phường «múa rối».

Trước hết, ta hãy xem cái «phim ảnh» của Juvénal chớp một bà «la liếm», chưa kịp ngồi đã «đặt miệng» (nouvelliste). Bà đàng-hoàng lắm, chẳng có chút chi ngượng nghịu. Ta thấy bà «đứng nói truyện trước mặt chồng bà với các sĩ-quan mặc triều-phục (palu damentum), mắt nhìn thẳng và không hề có một giọt mồ hôi nào trong người.» Ta nghe bà kể truyện năm châu bốn biển, truyện nước Thrace, đến nước Sères (các nước ở phía Bắc-Ấn-Độ — cả nước Trung-Hoa nữa). Bà biết ngày nào có sao chổi, trận lụt năm nào, mà đất Arménie đã gặp. Rồi đến việc «nội-vụ» của mọi người: bà này «bắt chim» ông này, ông kia «phe lờ» bà kia — «trong gia-đình, trong chốn phòng kín người ta, có truyện gì là bà kể ra vanh vách, kể cả nguyên-nhân đến hậu-quả, năm, tháng, ngày, giờ...» (Bicet quis viduam praegnatam fecerit et quo Mense qui bus verbis concumbat quacque modis quot).

Về phương-diện chính-trị, các bà không hề mó tay đến. Các bà không mó tay đến, mà chính-trị vẫn ở trong tay các bà.

Các bà không cần giữ ghế quan tòa, hay làm quan nghị, các bà không cần lấy quyền bảo-cử. Mà các bà có muốn lấy cũng không được, vì dưới mắt dân La-Mã có biết cầm binh mới cầm được nước — các bà không phải là «linh lẩy» thì các bà không được tham-dự quyền-chính. Khi các bà lật tung bánh xe chính-trị là khi các bà «ỏn ẻn» dưới gối quan ông.

Tiếng oanh thỏ thẻ làm siêu đức ông-chồng, siêu anh-hùng, siêu cả chính-giới. Các bà đó, người La-Mã gọi là Egéries (tên một vị nữ-thần được vua Numa tin dấu), sang đến «ố nàm» ta gọi là Đắc-kỷ.

Chính-giới các bà không dự, đến các nghệ khác các bà cũng không tường. Nghề làm thuốc, theo Sénèque, thì dân La-Mã để cho bọn người Hi-Lạp, người Đông-Phương, bọn nô-lệ được phóng-xá làm. Còn nghề luật-sư, các bà không được mó đến, một là vì các bà «Đắc-kỷ» quá, hai là vì các bà không được dự vào chính-pháp (cursus honorum).

Vậy ta thử hỏi: các bà đó tìm chỗ bình-quyền, chỗ bình-đẳng tự-do ở chỗ nào?

Các bà chẳng phải tìm «vấn-đề giải-phóng phụ-nữ» bên tai nhà chính-khách, lấy sắc, lấy tài (tài đây là tiền) ra đè bẹp cả nghị-viên lẫn nghị-trường, hay sao?

Cứ xem một đoạn trong cuốn Satires của Juvénal tôi đem trích dưới đây ta cũng đủ rõ «chính-quyền» của các «thị mẹt».

«Không có một điều kiện nào mà không có người đàn bà dính dáng vào. Nếu ả Manilia không bị tòa đòi hỏi, thì ả đòi hỏi tòa. Các bà làm lấy đơn kiện, tự nhận làm cái «đốt-si-ê», lăm lăm đọc thiên nghị-luận trước mặt quan tòa Celse (P. Juventins celsas, jurisconsulte ở dưới thời họ nhà domitiens)».

Kết luận. — Hai đoạn trên kia là một bài tôi cố chắp nối những «mảnh» văn còn lại «dưới ngọn bút của cổ-nhân». Những điều thực-trạng đó đã sầy ra trong khoảng văn-minh La-Mã đồi-bại. Tôi cố hết sức bỏ cả những áng văn ghi chép nhiều truyện hoang-đường, mà tôi chỉ xin hiến độc-giả mấy câu truyện kể lại tìm thấy trong đài văn «bất-diệt» của Caton, Tite-Live, Tacite, Tertullien, Columelle, Martial, Plutarque và nhất là của Juvénal. Những nhà văn-hào đó không phải là những tên tiểu-tốt vô-danh (!), toàn là nhà văn đáng kính đáng phục cả vì các cụ «ưa nói theo sự thực».

Vậy mấy đoạn trên là một bài lược-khảo chắp nối trong đám nhà hoang còn lại.

Còn từ đây trở đi, tôi xin phép bầy chút cảm-tưởng sau khi đã kể lại những trạng-thái xấu-xa sầy ra trong thời-kỳ trụy-lạc của văn-minh La-Mã.

Thời-kỳ trụy-lạc, nếu bàn cho sát, chỉ quanh đi quẩn lại có cái nguyên-nhân «văn minh hiểu nhầm». Tinh-thần của người đàn-bà La-Mã không thể sao trụy-lạc trong một lúc được. Phải trải qua mấy thế-kỷ, trải qua một công-cuộc âm-thầm ngấm ngầm từ ngọn thổi đến cuối, thì ta mới rõ rệt được thế nào là trụy-lạc, thế nào là «văn-minh hiểu nhầm». Than ôi! trong khi nước lũ đục bờ đê, có ai để ý, chỉ có khi nước đến chân mới chép miệng than dài.

Kẻ hiền-giả trông trước được ngọn sóng trào sắp tới. Song một lời nói ra giữa quãng đời tăm tối u mê chỉ là một tiếng quạ kêu xương có ai để ý đến đâu.

Rồi «thế-sự sầy ra», mới than, mới thở, kịp làm sao cho được? Juvénal than thở, Caton than thở, Martial than thở... các nhà văn-hào đó nào có khác gì mấy ông tướng cầm quân trông trước cái cơ bại-trận. Trông thấy cơn gió lốc phá tan tành cõi đất văn-minh «lá mặt», trông thấy cuộc «tang-thương sắp thay mầu bạch-diện» mà vẫn cầm bút cố chống cố đỡ bức tường đổ như thế há chẳng là một tấm gương về tinh nhẫn-nhục của cổ-nhân?

Văn-minh! La-Mã gặp thời «lên như diều» song La-Mã chỉ thích tìm chỗ «lắm tiền nhiều bạc», La-Mã chỉ biết có nước Hi-Lạp và các nước ở phương Đông giầu-mạnh. La-Mã mở mang bờ cõi...

«Nước mà mạnh, dân cũng

giầu » (Montesquieu). Dẫn La-Mã được thỏa thuê xuống ngựa lên xe, người đàn ông La-Mã ham tinh-thần thượng-võ, ham hư-danh, ham vật-chất thì bọn đàn-bà có chịu kém thua ai ?

Lại thêm nước nóng tức hơi, bật tung ra biết bao nhiêu nỗi tàn-khốc. Phụ-nữ La-Mã có bị trụy-lạc thì cũng vì cổ-nhân quá thắt chặt quyền-hành người đàn-bà.

Theo như lời Caton (237-142 trước T. C. giáng-sinh) vào trong thời-kỳ « phong gấm rủ là », vào thời-kỳ trước khi văn-minh La-Mã trụy lạc, cổ-nhân đã thắt chặt người đàn-bà (điều luật Orchia năm 181 — điều luật Fannia năm 161, điều luật Didia năm 143).

Rồi sau Caton, lại còn hằng hà sa số các điều-luật khác quá nghiêm (năm 115, luật Emilia ; năm 113, luật Licinia ; năm 81, luật Cornelia ; năm 71, luật Antia ; năm 46, luật Julia).

Cũng vì thắt chặt người đàn bà, nên bốn phương thăm thẳm tối tăm, người đàn bà còn biết tìm lối nào chính-đáng mà bước vào.

Anh mù thường hay chạm phải cột đèn, phụ-nữ La-Mã, tầm mắt không buông được xa, lại gặp lúc văn-minh vật-chất còn thịnh, sao tránh khỏi nỗi « đâm quàng đâm xiên ».

Tưởng Juvénal, Cicéron, Martial... chớ vội trách phụ-nữ La-Mã trụy-lạc.

Phụ-nữ La-Mã cũng chẳng qua những hạt cát bụi cuồn cuộn theo cơn gió lốc, đến khi gió lốc tan ở trên đống bùn thì hạt cát bụi vẫn hoàn hạt cát bụi.

Dưới bóng mặt trời, chỉ khổ những người biết nghĩ.

Thu-tùng

Ai muốn cùng tôi theo chơi về thơ ca quốc-văn, xin cứ viết thư về hỏi

Nguyễn-khắc-Hiếu

LƯ'-THOA TỰ THUẬT

Dịch lịch-sử của ông Lư.thoa, tự ông viết ra.

« Les confessions de J.J. Rousseau »

13

Khi nào tôi trở về nhà thăm cha tôi, cha tôi không nhận được cái đứa con mà cha tôi yêu-dấu thủa xưa nữa, tôi đã đổi khác hẳn rồi; đối với các vị phu-nhân, tôi cũng không phải cậu Lư-Thoa đa tình như thủa trước, mà đối với ông *Lâm Bác-sĩ* và cô *Lâm-Thị*, hẳn ông thày và cô bảo-mẫu của tôi cũng không nhận được đứa học-trò cũ như tôi nữa, tự tôi tôi cũng rõ thế, biết rõ đến nỗi từ đó tôi không dám nhìn thấy mặt cụ giáo và cô *Lâm*. Ngày trước, vui chơi những cách chơi đáng yêu, mà bây giờ thì hóa ra những sự mình ưa đều là những cái đê-tiện đệ nhất, những cách chơi thì thật hèn-hạ khốn-nạn, bao nhiêu những cái trước mình vẫn thích, bây giờ quên hết. Có dễ giáo-dục tôi tuy một mực ngay thẳng, nhưng trong lòng vẫn sẵn có cái dục-vọng dễ đưa mình vào cảnh đê-hạ; vì tôi hóa ra người hèn một cách mau chóng quá, không thấy khó chịu gì, tự xưa đến nay chưa thấy một tính-cách đế-vương nào bỗng đổi ra tính cách đạo-tặc nhanh đến như thế.

Nghề tôi học thì tự trong nghề không đến nữa tôi không ưa: nguyên tôi vẫn rất thích vẽ; tay cầm cái mũi giao nhọn của nhà thợ khắc lại cũng lấy làm vui-vui đôi chút. Cái tài chữa đồng hồ của bác thợ khắc ấy cũng rất là hữu-hạn cho nên tôi có cái hy-vọng sẽ được hoàn-toàn ngang sức với thầy dạy tôi trong nghề ấy — Có nhẽ hy-vọng ấy không vì tính cục-cằn của người thợ dạy tôi và vì sự túng-bấn khốn quẫn quá, thì tôi cũng có thể đạt tới. — Tôi thường trận bớt ít thì giờ làm việc cho chủ, mà dùng vào những việc cũng tương-tự việc trong nghề nhưng đối với tôi những việc làm riêng ấy nó có cái khí-vị tự-do đáng yêu. Tôi khắc những cái như là cái mề-đay, để rồi tôi cùng với chúng bạn đem chơi làm huy-hiệu võ-sĩ — Chủ tôi bắt được tôi làm cái việc ấp-lậu ấy, liền đem tôi ra đánh như đập nong, bảo rằng tôi manh-tâm luyện tập cách làm bạc-giả bởi vì trên những cái mề đay đó tôi có khắc dấu Dân-Quốc. Thật quả tôi thề rằng nào tôi có nghĩ đến bạc giả làm gì đâu có hiểu bạc giả là thế nào đến nỗi bạc thật là thế nào tôi cũng chẳng hiểu rõ.

Cách đúc đồng tiền của người La-Mã đời cổ, tôi còn biết rõ hơn là cách đúc xu-hào tôi vẫn thường tiêu.

Cái tính hà-khắc của chủ tôi, về sau làm cho tôi không chịu nổi việc làm; giá cứ được yên-thân thì tôi có thể yêu việc đó; lại nhiều nết xấu-xa, giá cứ tự-tôi thì tôi ghét, như là nói dối, làm biếng, ăn cắp ăn trộm-mà chỉ vì cái tính hà-khắc kia sui cho tôi có các nết xấu ấy. nhớ lại những sự thay đổi trong tính-tình tôi lúc bấy giờ, tôi mới biết sự hiếu-thuận của người con với sự phục-tùng của một kẻ nô-lệ khác nhau xa biết là thế nào! Giời bẩm sinh ra dút dát và cả-then, xưa nay tôi không ghét cái thói xấu nào bằng cái tính liều-lĩnh, tuy vậy, tôi vẫn được hưởng cái tự-do chính-đáng, rồi cái tự-do ấy cứ dần dần rút lại, đến sau cùng thành ra tiêu-tán đi mất cả. Ở nhà với cha tôi, tôi là một đứa trẻ táo-bạo ; đến nhà Lâm Bác-sĩ, tôi vẫn còn được tự-do ; đến lúc ở với chú tôi, tôi đã thành một người biết giữ gìn cẩn-trọng ; bây giờ ở nhà ông thày tôi, tôi hóa ra sợ-hãi thế là tôi là một người bỏ đi.

(Còn nữa)



THUỐC NAM CHỮA NGƯỜI NAM

Tờ Y-Học tuần-báo phải ra đời trước khi Nam-phương Y-Học-hội thành-lập

Ông Phạm-Chương biểu đồng-tình cùng tôi về vấn đề Chấn-Hưng thuốc Nam; xem ý-tứ ông bầy tỏ, cũng đủ biết ông có lòng sốt-sắng lắm. Ông cũng mong có nhiều người hưởng ứng để cho tróng thực-hành công-việc ích-lợi ấy. Ông có bàn thêm «Nên phải lập một Hội buôn thuốc Bắc thuốc Nam tạm gọi là Nam-phương Y-học hội» trước đã rồi sau hẫy mở y-Học tuần báo, thời công việc mới chu-đáo và nhanh chóng được. Lời ông bàn rất phải. Lập được hội như ý ông dự định, thì còn gì hay bằng. Nhưng than ôi! Nói bàn thì dễ, nhưng thực-hành lại khó thay! Khó là vì mấy lẽ tôi thiết nghĩ như sau này:

1. — Hội buôn từ trước đến giờ lập ra đã nhiều, mục-đích hội nào cũng rõ-ràng hay tốt, điều-lệ rất chặt-chẽ; cứ điều-lệ ấy, mục-đích ấy mà có người đứng-đắn sành-sỏi cai-quản thi-hành, thì thương-giới ta bây giờ chẳng đã lừng-lẫy phát-đạt lắm sao! Nhưng nào có được thế. Thử tính xem có hội nào đứng được. Phần nhiều chết rồi, tan rồi, có còn đôi ba hội, xem ra cũng không lấy gì làm phát-đạt. Nhiều người hằng-tâm hằng-sản thấy thế mà chán; nhiều người mong nhờ hội lại vì hội mà mất cơ mất nghiệp Công-cuộc thua-lỗ còn đó, quản-lý tù-tội còn đó, Ai nghe tiếng Hội cũng như nghe thấy ma thấy quỷ mà khiếp-sợ, thời bảo rủ hội có dễ đâu. Lúc buôn bán dễ-dãi. kiếm đồng tiền không khó mà sự lập hội còn khó như thế. huống lại lúc này đang bị kinh-kế khủng-hoảng lo công-việc nhà còn chưa xong, nào ai sốt-sắng đến việc hội. Hội buôn có lời ngay trước mắt, còn khó lập được, nữa là một hội như hội ta dự định đây mục-đích cao xa to lát mười, năm may ra mới có lời, thời ai còn tưởng tới.

2. — Hội buôn bán thuốc Nam thuốc Bắc muốn cho đủ thế-lực tiến-hành vững-vàng, thời vốn vài ba vạn đồng không đủ, ít ra phải mươi vạn đồng. Ôi! Hội mười vạn bây giờ lập sao nổi. Đến hai vạn còn khó thay. Ai sẵn tiền bỏ đó mà không mong có lời? Hoặc giả cũng có người hào-hiệp, nhưng tôi thiết tưởng cũng ít lắm.

3. — Hội lập có tính-cách buôn-bán, thời các ông tại-chức các toà các sở, không thể cùng ta vào hội, mà giúp hội được. Thứ nhất các ngài ở bên y-giới, hội ta lại cần có các ngài giúp cho mới có kết quả hay.

Cũng vì ba lẽ trên này mà chúng tôi không dám bàn đến sự lập hội vội; ý chúng tôi chỉ muốn trước làm nhỏ, dần làm to. May ra mới có cơ-sở vững-vàng được. Sức có thể làm đến đâu, thực-hành đến đấy. Việc dẫu to lớn, ta đừng nghĩ sự to-lớn mà nản lòng thối-chí, ta chỉ nên nghĩ việc đáng làm, ta cứ làm, làm được đến đâu hay đến đó Nếu bất-đắc-dĩ mà ta phải bỏ giở, nhưng việc ta làm là phải là hay, thế nào cũng có kẻ sau gia công kế tiếp, rồi năm mười năm chắc cũng thành công.

Lúc đầu làm việc gì cũng khó, nhưng cứ kiên-chí theo đuổi mục-đích cho có quy-củ thứ-tự, thì sau thế nào cũng có kết-quả hay.

Bây giờ chúng tôi thiết nghĩ: chỉ cần trong ba kỳ, mỗi kỳ có lấy năm mười ông có tài có lực, có chí sốt-sắng cùng nhau, lập lấy một ban kê-cứu thuốc Nam. Công-việc của ban ấy có 5 việc kể ra sau này:

1.— Kê-cứu các cây thuốc nam thông-dụng trong sứ.

2.— Vẽ mỗi cây có đủ hình-sắc rõ ràng.

3.— Mỗi cây phải cần tìm cho rõ những tên thông-dụng.

4.— Mỗi cây chuyên-trị mấy chứng.

5.— Cóp nhặt các món gia-truyền, chia ra từng loại.

Trong một vài năm công-việc sưu-tập đã tạm xong, ba ban của 3 kỳ sẽ xin phép lập hẳn một bàn chung 3 kỳ, đem các công-việc của từng ban đối-chiếu cùng nhau, rồi châm-chước, tham-bổ làm thành một quyển «Bản-thảo tinh-vi», cũng như quyển tư-vi. về khoa Nam-dược và một quyển «Nam-dược kinh nghiệm».

Hai quyển này làm xong đem in rồi bán một giá phải chăng. Ta lấy lời của hai quyển này mà lập ra một tờ Y-học tuần-báo.

Lúc bấy giờ ban kê-cứu thuốc nam của cả 3 kỳ đã thành-lập, gom góp ít nhiều tiền, mà lập được y-học tuần báo, thời công-việc của ban kê-cứu tiến-hành càng mạnh.

Đến lúc nhiều người công-nhận việc của ban kê-cứu thuốc nam là thật có bổ-ích, mà dùng thuốc nam cũng hiệu-nghiệm như thuốc Tầu, thuốc Nhật, thời có kêu hùn cổ-phần lập hội cũng dễ.

Nhiều người ưa dùng thuốc Nam, thuốc Nam bán chạy. Lúc bấy giờ mới có nhiều người lưu-ý đến việc gây trồng thuốc Nam; có nhiều người đi rừng rú kiếm thuốc Nam.

Thuốc Nam mà thông-dụng được, phần nhiều nhờ ở hai quyển sách nói trên, vậy xin các ngài hẫy để việc xa-xôi, mà lưu-tâm làm sao cho tróng có hai quyển sách ấy đã. Cũng như người Tầu muốn bán thuốc Bắc cho chạy, cho nhiều người dùng, thời họ phải đem sang bán cho ta nhiều sách thuốc nhiều sách bản-thảo.

Chú Thạch-Sùng Hoa-Kỳ quyết đóng cửa

Nhật-Bản đã «bắt nạt» Trung-Quốc, lại mang thêm cái cuồng-tưởng « đè bẹp » cả Hoa-Kỳ, bởi vậy ở Hoa-Kỳ bỗng thấy nổi lên một phong-trào Quốc-gia quá-khích. Chủ-nghĩa Quốc-gia đại-khái có mấy điều chính :

1° Một mực phản-kháng sự tha nợ hay ra hạn nợ cho ngoại-quốc;

2° Phải luyện thủy-quân cho mạnh, vì nếu chỉ tin miệng ở lưỡi các tay ngoại-giao thật là dại-dột vô chừng;

3° Quyết đứng ra ngoài hội Quốc-Liên và tránh xa hết các hội có chút nhiều ít tương-tự với hội ấy ;

4° Đồng lòng phản-đối sự cho di-dân, thực-hành chính-sách' «khóa chặt cửa ngõ » ;

5° Nếu tình-hình kinh-tế hoàn-cầu không thay đổi, thì thuế thương-chánh quyết không dảm-bớt chút nào;

6° Không «chơi» với Hội-đồng Hoà-giải ở La Haye.

Phong-trào quá-khích ấy bồng-bột rất mau tróng, mới trong vòng bảy tám tuần-lễ đã tràn-lan ra khắp toàn-quốc, gần hết nhân dân nước Mỹ đều hăng-hái phản-kháng chủ-nghĩa Quốc-tế của ông Wilson đã đề-xướng ngày xưa.

Ở một nước mà mọi việc đều thuộc về thế-lực của «người dân »tất các chính-khách không còn đợi gì mà chẳng bay theo chiều gió. Đến cả những tay cộng-hoà rất thành-tín với chủ-nghĩa Wilson, như ông Newton Baker và ông Franklyn Roosevelt,là hai tay đang vận-động ra tranh tổng-thống, trước đã hăng hái cổ-động cho hội Vạn-quốc — khi Hội còn được tiếng tốt — ngày nay cũng bị cuốn theo phong-trào. Các ông «từ-dã» chủ-nghĩa xưa một cách khéo-léo.

Ông Newton Baker,năm 1914,đem hết tài hùng-biện để tán-dương hội Quốc-liên, nhất là trong đoạn kết bài diễn-văn, ông lại xin hy-sinh cho Hội, nên được công-chúng thực lòng hoan-nghênh lắm.

Nào ngờ cách đây cũng không lâu, cũng vẫn dọng hùng-biện hôm xưa,ông tuyên-ngôn một cách điềm-nhiên : việc hội Quốc-liên sẽ không có ở trong chương-trình đảng Cộng-hoà năm 1932 nữa!

Đến ông Roosevelt lại đi xa hơn. Đầu tiên, ông phản-đối vấn-đề thanợ, rồi sau ông phản-đối nốt vấn-đề Quốc-liên, ông quên hẳn hồi tranh tổng-thống năm 1920, ông đã đi khắp đầu nước cuối nước để ca tụng cái phương-pháp mầu-nhiệm cái thế-lực to tát của hội ấy.

Tại sao thế? — Chỉ tại « *hội Quốc-Liên ngày nay không phải hội Quốc-Liên mà ông Woodrow Wilson đã định lập ra ngày xưa!* »

Câu nói đành là quá phải rồi : Ông Wilson ngày xưa, không muốn cho nước nào thôn-tính nước nào, nên hội Quốc-liên trong mộng-tưởng của ông là cái toà-án cấm các nước trên hoàn-cầu không được làm bậy, không được cậy khoẻ bắt nạt yếu, vậy mà hội Quốc-liên ngày nay thì... đấy! đối với việc Nhật bắt-nạt Tàu có « *dàn xếp* » được nổi đâu? Trước mắt chú Thạch-Sùng ngày nay, cái sự lấy nước dãi để dẹp súng-gươm thật là một sự vô-ý-thức đáng buồn cười.

Cho nên. đầu đuôi mới hai thảng giời, xu-hướng dân Hoa-Kỳ đã xoay hẳn về phương-diện khác. Ngày trước đi đâu cũng thấy nói việc tài-dảm binh-bị : « Đừng súng nữa, đừng khí-giới nữa! để tiền dùng việc khác có ích hơn! » Đến bây giờ, tiếng hò reo khác hẳn : « Thiết-giáp đâu? Tuần-dương đâu? Tiềm-thủy-đĩnh đâu ?» Họ thỉnh-thoảng quay mắt «nguýt» Genève lại «đăm-đắm » nhìn sang Châu Á!.

***

Bên châu Á, kìa đội quân Nhật đương tung ngọn cờ « mặt giời mọc » trên Thái-bình-dương mà cười đắc-chí: «Gần đả Trung-quốc, xa nện Hoa-kỳ ! » Câu nói làm cho quốc-dân Hoa-kỳ hậm-hực. Chẳng mấy chốc, đả thấy một hội nổi lên hết-sức tán-dương ý-kiến nhà ngoại-giao Stimson, hăng-hái cổ-động việc « tẩy-chay » hàng-hóa Nhật. Chính-phủ Mỹ tuy không tán-thành phong-trào ấy, nhưng đã công-nhiên tuyên-bố sẽ không thừa-nhận các kết-quả chính-sách xâm-lược của Nhật ở Trung-quốc. Nhờ tuyên-bố ấy, cũng đã đủ làm cho người Nhật hoảng-hồn bằng mấy sự kinh-tế tuyệt-giao rồi. Nhưng xét ra, sự đề chế hàng-hóa là một cái xu-hướng của quốc-dân, thì các chính-khách tất-nhiên cần phải lợi-dụng, cho nên cái xu-hướng ấy tất-nhiên sẽ có ảnh-hưởng lớn đến công-cuộc ngoại-giao của Hoa-kỳ sau này...

Mỹ vẫn chăm-chắm nhìn sang Á-châu, Mỹ lo cho cuộc Mỹ-Nhật đại-chiến. Bởi vậy, tuy họ muốn tránh sự can-qua mà vẫn phải ra oai cho Nhật sợ, họ bỏ hẳn 60 vạn mỹ-kim làm tiền binh-phí mà đưa một hạm-đội « có giá-trị » sang cửa bể Á-châu.

Tôi viết đến đây, lại lấy làm thẹn với những người mường, người mán. Họ tuy so với ta còn kém học-thức, nhưng đã có nhiều cái đặc-sắc, nói ngay việc thuốc, họ chỉ uống các thứ lá ở rừng của họ mà cũng khỏi bệnh, lại thêm khỏe-mạnh biết bao, nào ta có thấy họ uống thuốc Tầu thuốc Nhật đâu?

Luôn thể ta cũng nên kê-cứu cả thuốc mường thuốc mán. Công-việc này tất phải nhờ đến các quan Châu giúp cho mới thành.

Ôi! Thuốc Nam ! Thuốc Nam ! bao giờ cho có thành sách, thành môn, cho cũng có giá-trị như thuốc Tầu thuốc Nhật. Dân quê nghèo cực mong mỏi thay! Việc này cũng là việc phúc. Ấy ai hằng-tâm, ấy ai hằng-sản, xin ra tâm vo cho quả-phúc tróng tròn.

Nếu ai cũng cho là khó thì công-việc chấn-hưng thuốc Nam này biết bao giờ xong được.

Phó-đức-Thành

Mỹ, Nhật, hai nước gờm nhau trên bể Thái.

***

Đến việc nợ, việc này hồi tháng trước Quốc-hội họp ở Hoa-thịnh-đốn không bỏ một phút nào không lưu-tâm bàn-bạc. Thật cũng đã khôn khéo vô chừng ông Hoover mới có thể làm cho vấn-đề triển-trái được nghị-viện chuẩn-y — ta chớ nên quên sự ra hạn nợ ấy đã cứu Âu-châu và hoàn-cầu ra khỏi vòng súng đạn — Sự triển-trái sở-dĩ không bị bài-bác là vì ở trong bản phủ-án, ông Hoover có đoan rằng hết hạn này không còn có thể cho một hạn khác được nữa. Tuy vậy mà trong khi đầu phiếu cũng còn có hơn một trăm phiếu không biểu đồng tình.

Nhưng từ đấy ông Nguyên-lão nghị-viên Johnson, cừu-địch của ông Hoover, đã khám-phá được nhiều điều bí-mật nên đem tuyên-bố ra để hết sức công-kích ông về vấn-đề "nợ đọng" ở ngoại-quốc. Theo nhời ông Johnson, chỉ vì sự âm-mưu của các nhà ngân-hàng quốc-tế ở Nữu-ước, mà 15 nghìn triệu mỹ-kim bỏ nước Mỹ xuất dương, đổi lấy các vật bảo-đảm chẳng có chút giá-trị gì cả, thành ra hàng mấy trăm nghìn phường «ngốc» chỉ vì hám lợi mà gánh tiền đổ xuống vực sâu! Biết dại, giờ họ mới cẩn-thận mà nhắm mắt theo chủ-nghĩa «tiền Mỹ phải ở Mỹ».

Cái nghề lúc cao-hứng sốt-sắng đến đâu, thì khi thất-ý lòng ghét giận cũng lên đến đấy; huống chi các ông chủ nợ này đã bị «chơi khăm» một cách đau đớn, thì từ nay cũng khó mà nạy được hòm các ông ra!

Về vấn-đề thuế thương-chánh đánh thật cao, rồi đây chắc cũng không thay đổi gì nữa. Hãy xem như bọn cộng-hòa ngày trước họ cực lực phản-đối các ngạch thuế thương-chánh, mà ngày nay, chiếm đa-số trong nghị-viện, lại chẳng dám hé môi nói đến một nửa lời.

Cả vấn-đề di-dân, họ cũng chẳng đả-động chi đến. Còn ai dại mà đương lúc này lại mở cửa cho dân Âu-châu vào. Mặc họ! Họ lên Bắc-Cực hay xuống Nam-Cực, tùy ý! Chứ chờ đến lúc Hoa-kỳ chúng tôi lại chịu làm cái nồi nấu gang cho các nước đổ lại, đúc thành một dân-tộc đua nhau nói giọng mũi, thì cũng còn sơi! (Qu'ils n'aillent au Pôle Nord ou au Pôle Sud! Il se passera longtemps avant que les Etats Unis se fassent à nouveau le creuset où toutes les nations se fondent pour n'en plus former qu'une seule, parlant tout entière avec un accent nasillard). Câu nói khôn đến mực!

***

Chép đến đây, chợt nhận được tin Hoa-kỳ vừa mới chế ra hai thứ hơi độc, độc ghê độc gớm, hơi độc của Đức dùng trong hồi Âu-chiến không thể ví được một tý nào.

Một thứ là hơi Adamsit của ông bác-sĩ «quý-hóa» Adam chế, trong 30 triệu phần không-khí mà có lẫn một phần hơi độc ấy, người ta hít phải tức khắc về Thiên-đường.

Còn một thứ Lewisite của Lee Lewis chế lại độc hơn nhiều. Người ta tính rằng chỉ ném hai «quả trứng» đầy hơi này đủ «du ngủ» hết sạch dân chúng trong một thành-phố lớn như Ba-lê, Bá-linh, nghĩa là gấp 28 lần dân số tỉnh Hanoï.

Vậy mà Mỹ vẫn kêu Nhật... «bướng bỉnh»!

Đinh Huy-Hạo



Tin sau cùng.— Đảng Hitler được đại-thắng ở Nghị-viện Đức.

(Kỳ sau sẽ nói rõ)

Nay mai sẽ có một bộ tiểu-thuyết trường thiên, giấy ngót 500 trang, tả NHỮNG CẢNH KHỐN NẠN của khắp các hạng người trong xã-hội, cố tìm cái sung sướng ở chỗ DANH, LỢI, TÌNH mà soạn-giả lại là bạn NGUYỄN-CÔNG-HOAN!

NƯỚC NHÀ

Tin Chính-trị

Vinh.— Hồ-sĩ-Lan và Dương-văn-Bảo quê Nghệ-an, trốn sang Tàu đã lâu, vào . . . . . .mới đây bị bắt giải về Hanoi, lấy khẩu cung xong lại vị điệu về nguyên-quán sáng hôm 16 Avril.

Hải-dương.—Một năm trước, hắn ta còn nhớ, hai người bị bắt ở Thượng-hải: Đỗ-ngọc-Du và Nguyễn-hải-Bằng. Đỗ-ngọc-Du đã đem xử ở Hội-đồng Đề-hình kỳ trót, còn Nguyễn-hải-Bằng hôm 22 Avril mới ra đứng trước tòa Nam-án Hải-dương.

...— Tôi, Nguyễn-hải-Bằng, 28 tuổi, ở Đoàn-lâm, huyện Thanh-miện, Hải-dương.

— Anh là một người Hội-kín lợi hại xuất dương từ lâu, giữ việc giao-thông cho đảng ở ngoại-quốc?

— Phải!

— Ai xui anh làm Hội-kín?

— Tự ý tôi! Còn phải ai sui nữa?

— Đảng anh còn những ai?

— Có mình tôi thôi...

Luận tội xong, tòa hỏi Bằng có khai thêm gì nữa không, Bằng đáp: không!

Quan chánh-án... tuyên: «Nguyễn-hải-Bằng tức Sao-đỏ bị phát-lưu vô-kỳ-hạn!

Bằng đưa tay ra nhận xích rồi đứng giậy theo lính về đề-lao.

Anh

Tin Nguyễn-Ái-Quốc

Trong Lưỡng-Thế-giới tạp-chí kỳ gần đây, có một bài của ông Jean Dorsenne khảo-cứu về căn-nguyên các việc Hội-kín sảy ra ở Đông-dương. Nói đến việc Hội-kín ở Đông-dương, tất không thể không nói đến Nguyễn-Ái-Quốc.

Theo lời báo ấy thì Ái-Quốc mới bị tòa án Anh ở Hương-cảng kết án hai răm tù. Ái-Quốc không phục xin chống án về Luân-đôn, nay vẫn nằm chờ tại nhà tù Hương-cảng. Hiện nay, Ái-quốc bị bệnh lao rất nặng có lẽ không sống được.

Phải, có chăng vì thế!

Haiphòng.— Sau khi sảy ra vụ án-mạng ghê-gớm ở Cảng, người nói vì tình, kẻ bàn vì lợi, nhưng một số người vẫn không tin rằng vì tình vì lợi mà Đức đã giết Thu một cách tàn-ác thế kia.

Hôm 24 Avril, Mai-văn-Đức đã bị quan huyện Mỹ-Lộc bắt được ở số nhà 35 phố Đinh-Tân.

Khám trong mình Đức có bắt được một bức thư của Hội-Kín sai Đức đi giết Thu vì trước kia Thu giữ sổ-sách và tiền nong cho Hội đã tiêu hết tiền và dim hết sổ-sách.

VĂN-ĐÀN

ĐÀM THUYẾT

Mối cảm tưởng về thơ ca của nước ta

IV

Theo như hai bài đàm-thuyết trên đây, số 37 và 38, phần gốc của thơ ca là *vận* và *âm*, quốc-văn ta đều đã có đặc-điểm hơn các chữ nước ngoài, cứ đó đủ chiếm có địa-vị ưu thắng. Huống chi ngoài hai cái đặc-điểm quang đại ấy, lại còn có một đôi phần khác, cũng có thể kể là đặc-điểm mà tranh hùng thi-giới trong năm châu, thời trước nhất xin nói như một chữ «*ai*» ở trong quốc-văn của ta vậy.

*
* *

Trong văn Pháp, tiếng xưng-hô chia làm ba ngôi vị, *1*^{e}, *2*^{e} và *3*^{e} *personne*. Văn Hán, tùy không chia rõ như văn Pháp, song thực-tượng cũng như thế. Quốc-văn ta, phần giống nhau với văn Pháp và văn Hán, đại-đề cũng như thế. Riêng có một chữ «*ai,*» nghĩa gồm được ba ngôi vị, nói *ta*, nói *người*, nói *kẻ vắng mặt*; nếu tự người đặt câu mà khéo khiến, thời về phần người nghe tự nhận ra thấy phân-minh. Ví dụ như: trong bài hát «*An-nam tạp-chí lại ra đời*» ở Bờ-Hồ, số *11*, trong có mấy câu:

Năm Đinh-mão, khoảng đầu xuân, nhớ những ai ngày trước,
Người bao nơi mà thệ ước đã bao đông.
Ai, ai, ai, còn có nhớ ai không?
Phố hàng Lọng đội tiền-phong lên, lính cũ.»

Lại như khi tôi còn đương ở báo Hữu-thanh, được nghe một người bạn lãng-mạn, năng đi lại trong xóm bình-khang, có đọc cho nghe một bài thơ bốn câu rằng:

— «*Thư này ai đố biết ai đưa!*
Ai nhắn thăm ai đỡ mệt chưa?
Chai rượu gửi ai, ai giữ hộ;
Ai chờ ai uống buổi giời mưa.»

Như những chữ «*ai*» trong mấy câu hát và bài thơ bốn câu đó, dẫu không trỏ rõ là thuộc về ngôi vị nào, mà tự người nghe coi có thể nhận rõ lắm. Văn Pháp và văn Hán, đâu có được thế.

Lại nghĩ như một bài thơ bốn câu của người bạn đọc cho tôi nghe đó, tuy là mấy câu thơ lãng-mạn, mà nhận ra thực có một chút đặc-sắc đáng yêu. Ba chữ vần đi với nhau, thật là đúng vần; chỗ đó còn là sự thường, chưa đáng kể nói. Trong mỗi câu có hai chữ «*ai*», cao thấp xâm-xi, linh-tinh rải-rắc, mà chữ nào khiến dùng nghĩa nào, nghe rất minh-bạch. Lời thơ chỉ như nói ra, không dùng sức điêu-luyện, mà tình-tự khẩn-chí, ý-thái phong-lưu, thực đáng kể là bốn câu thơ ít có. Bốn câu thơ ấy, nếu muốn dịch ra văn Pháp, văn Hán, liệu những tay đại Thi-hào cũng khó đã dịch nổi; mà có thể bảo là «không thể dịch được». Một chữ «*ai*» trong quốc-văn, nghĩ sự dùng về trong thơ ca, qui đến như thế!

*
* *

Quốc-văn ta, thường thấy có nhiều người cho là nghèo, ý là nói ít chữ. Như tôi, nghĩ về phương-diện thơ ca, thời sự nghèo đó có khi tức là giầu. Lấy toàn-thể mà nói, thời bảo là có ít chữ; lấy một chữ mà nói thời lại là có nhiều nghĩa. Sự nhiều nghĩa của một chữ, tức là sự giầu của chữ; mà là lợi cho phần thơ ca. Nay hãy xem quốc-văn ta với chữ Hán.

水 (*thủy*), ta học là *nước*.— nước (uống), nước (sông), nước (mưa), nước (non).

國 (*quốc*), ta học là *nước*. — nước (nhà).

著 (*trước*), ta học là *nước*.— nước (cờ).

Ở chữ Hán ba, mà ở chữ ta chỉ có một. Một chữ «*nước*», có gồm nghĩa của ba chữ 水(*thủy*), 國(*quốc*), 著 (*trước*) bên Hán-văn. Đó là sự *giầu nghĩa* của chữ, mà thơ ca cũng có nhờ đó mà thêm chút ý-vị hay. Ví như:

Mưa mưa mãi! ngày đêm rả-rích,
Giọt mưa thu gia khách đầy vơi.
Những ai mặt biển chân giời,
Nghe mưa ai có nhớ nhời nước non?

Đó là bốn câu cảm-hoài trong cảnh *mưa thu đất khách*. Nhân *mưa* mà nói đến *nước*, *nước* mà «*nhời nước non*,» ý-vị đằm-thắm xa-xôi, nếu đem dịch sang văn Tây, văn Tầu, thời một chữ «*nước*» phải kém, mà toàn bài mất hay.

Lại như câu:

Bước xuống thuyền, chân rẫm gịp ba,
Trách cô hàng trứng ở ra hai lòng!

Thừa chữ «*ba*», xuống chữ «*hai*», đến chữ «*lòng*», tuyệt hay. Văn nước khác đố có người dịch nổi!

Quốc-văn ta có những cái đặc-điểm có thể làm cho thơ ca được hay, có thể hay hơn thơ ca của nước ngoài mà không có chịu kém. Vậy mà cứ như thơ ca của nước ta từ nay giở về trước, theo sự-thực bình-luận thời như sao?

(*Sẽ tiếp*)

Nguyễn-khắc-Hiếu

THƠ TẬP-KIỀU

Thơ đưa bạn lên đường

Ngại-ngùng một bước, một xa nhau.
Trân-trọng đôi lời, mấy hạt châu.
Nhớ lúc cuộc cờ, khi chén rượu;
Tủi người lên ngựa; kẻ chia bào.
Bể dâu thấy những mà đau đớn!
Tri-kỷ cười rằng mấy trước sau.
Hai chữ trùng-phùng dù họa có,
Nghĩa dầy mong giả với tình sâu.

Ai-Liên (**Xuyên-Châu** *sao lục*)

Cảm tác

Một lối công-danh mấy dặm trường,
Bước đường thân-thế nghĩ thêm thương.
Thấp cao thấy những sông cùng núi,
Sau trước trông quanh mán lạ mường.
Mặt nước linh-đinh thuyền mấy lá,
Chân đèo lận-đận khách đôi phương.
Trăm năm tâm-sự cùng ai tỏ,
Lảng-bảng bên trời bóng tịch-dương.

Trần-văn-Thình

THƠ DỊCH

Gửi cho người quen

(Nguyên văn chữ Hán)

Kỷ vạn trùng sơn sổ thủ thi,
Khanh tâm ngã khế ngã khanh tri.
Trần duyên đoạn tục liên khanh ngộ,
Thế-lộ cùng thông tiếu ngã si.
Tái-bắc phong-thanh hồng khứ viễn,
Giang-nam sương tín nhạn lai trì.
Khuê-tình lữ-ý thùy khinh trọng,
Nhàn bả xuân-tiên ký sở tư.

Ái-liên

Dịch

Cách mấy muôn trùng, mấy vận thơ,
Lòng ta ta đã biết nhau thừa.
Duyên trần dứt nối thương ai lỡ,
Đường thế quanh-co giận tớ khờ!
Ải bắc cánh hồng theo gió cuốn,
Trời nam tin nhạn tựa trăng chờ.
Tình riêng đây đó cân đo thử?
Căn-vặn cùng nhau giấy một tờ.

Xuyên-châu *dịch*

Thơ vịnh cây giìu (cây ô)

Chẳng tớ thì ai cũng đội Trời.
Gan đồng gia sắt dễ đem phơi.
Nằm nhà vếch đốc chưng đầu vịt.
Khỏi cửa nghênh ngang bộ cánh giơi.
Nỡ nắng người sang khi xếp lọng,
Che mưa kẻ khó lúc không tơi.
Mặc ai người thế giìu thay đổi,
Một tấm lòng ngay trải khắp nơi.

Ai-Liên (**Xuyên-Châu** *sao lục*)

THƠ BỐN CÂU

Giã-tràng

Ngẫm-nghĩ thương cho cái giã-tràng,
Ra công bồi lấp bể mênh-mang.
Chiếc thân chẳng quản mưa cùng nắng,
Mà ngọn trào đông nỡ phũ-phàng!

* * *

Phong-thi

Ngang trời chiếc nhạn bay qua,
Nhạn ơi! qua xuống cho ta nhắn cùng.
Nhắn ai nước Nhị non Nùng,
Ai còn ghi để tấm lòng nước non?

Nguyễn-văn-Úc

* * *

Lạy giời cho gió lên đèo,
Để em giữ vững tay chèo ra khơi.
Lòng em man-mác, anh ơi!
Mông-mênh giời nước, ai người đồng tâm.

* * *

Đêm khuya qua lối rừng xanh,
Nghe con vượn hót trên cành mà thương.
Thương cho cái bước đường trường,
Thương cho những kẻ anh-hường vẫn-vơ.

Mai-Thanh-Hồng

ĐIỆU CA HUẾ

Gởi cho người quen ở Huế

1

NAM AI

Đêm xuân ta bồng, nhớ người, nói cười ngày nọ: khi chung tựa thuyền lan, bóng nguyệt sông Hương; càng thuộc nết càng thương, chén thề gá nghĩa oan-ương. Ai gây cuộc tang thương? nam bắc bồng đường chia đường:
Thang-Châu cách trở, Hương-Bình, khiến mình hoài-vọng. Tương tư nặng vì ai, ai tỏ hay không? Láng-lai, láng-lai đội tròng, chốn phòng không, vào đợi ra trông. Mướn tìu hồng, nhắn kẻ tình chung, biết ai thấu lòng? (thấu cho đặng mới là tri-kỷ).
Trông ngày lụn đêm thâu, biết bao giờ, giòng Hiệp về châu? Cho Ả-Chức Chàng-Ngưu, sông Ngân qua cầu?

II

NAM BẰNG

Bắt tay rồi lại chia tay, gẫm càng cay; nợ tình dăng-dìu, nhiều chuyện lá lay. Xui mình gặp gỡ bấy chầy. Gặp bấy chầy, chưa bao lâu, loan với phụng chia bầy: gây sầu gây nhớ, gánh tương-tư chất ngàn muôn mớ, lắc lại thêm đầy; biết cho chưa, ơi người, cái nỗi nong nầy? Ai cho vàng ngọc không khuây. Niềm thương nhớ, nhớ thương đêm ngày.
Nực buồn cười cho ta, tình nặng đà phong chặt, lại bùng ra, lòng những yêu hoa, tuổi đầu tra, kiếp tu chưa già!

Xuyên-Châu

Tả bức vẽ chuyện câm

(hai đôi giầy)

Đăng ở số 28 An-Nam Tạp-Chí

Một công-tử Âu-trang rất lịch,
Mũ vơ-lua (velours) đội lệch trên đầu.
Rõ ràng nhẵn-nhụi mày râu,
Cổ-cồn ca-vát dưới hầu phất phơ,
Mặc bộ áo cu-lơ (couleur) rông-rọc (rayure)
Đi đôi giầy mũi thục vuông vuông (carré)
Bên đường sẵn ghế để xuông,
Mỏi chân ngồi lại, đợi phường gió giăng.
Bỗng thiếu-nữ phăng phăng đi tới,
Rõ một cô mốt mới đương thì,
Máu tham công-tử nghĩ vì,
Miếng ngon dưa đến bỏ đi cũng hoài.
Liền đứng dậy theo người thiếu-nữ,
Người bước đi, kẻ cứ bước theo.
Ngỏ lời tán vượn tán hươu:
«Thưa cô hóng gió buổi chiều giạo chơi?
Đây sẵn có nhiều nơi thắng-cảnh.
Xin cùng đi ngâm vịnh thêm xinh,
Mong cô đoái đến chút-tình.
Cho cam lòng kẻ chí thành đợi trông,
Trên trần-thế ai không duyên nợ,
Chẳng tu-hành, sao nỡ phụ nhau?
Từ khi gặp ở trên tầu.

Dung-nhan có để tôi đau lòng vàng,
May nay lại trên đường tái-ngộ,
Hẳn lòng trời phù-hộ chi đây!
Khoan khoan đâu vội? Cô này:
Nắng mưa đã dễ mấy ngày gặp nhau.»
Còn đương mải nông sâu tỏ rãi
Quãng đường đi đã ngoại hai cây (2k)
Song song vẫn bốn chiếc giầy,
Một giai, một gái, bên này, bên kia.
Cố theo mãi vừa đi vừa tán:
«Ở đời không có bạn buồn tênh.
Ái-nương sao quá vô tình?
Để tôi lẽ-đẽo cho đành ái-nương?»
Lòng thiếu-nữ cả thương cả nể,
Không thể nào mặc kệ cho đành.
Mỉm cười, nàng mới giu-giàng:
«Thiếp xin cảm tạ lòng chàng quá yêu.
Chỉ sợ thiếp trăm chiều vụng dại,
Không xứng đôi quân-tải mà thôi.»
Thoảng nghe, chàng tỉnh cả người!
Mặt nhìn, miệng lại thả lời bướm ong.
Hai đôi giầy song song nhường mến,
Trông số đường vừa đến ba năm. (15k)
Đoái nhìn trời đã tối sầm,
Hết lời mời bạn tri-âm vào hàng,
Gọi cốc kem, sai mang dĩa bánh,
Uốn lưỡi cong nói thánh nói thần.
Hữu tình chân lại giận chân,
Mặt lại nhìn mặt, lửa gần bén rơm.
Bể tình bỗng nổi cơn sóng gió,
Chiếc thuyền con thực khó yên toàn,
Phó cho gió dục sóng dồn,
Nổi, chìm, lành, vỡ, thôi còn biết chi.
Tay giắt tay cùng đi khách-sạn,
Quá lòng yêu như bạn trăm năm.
Màn buông, cô cậu cùng nằm,
Cùng nhau trò chuyện lầm-rầm ai hay.
Tình rớm lửa đêm này đã bén,
Cuộc mây mưa biết đến dâu cùng.
Hai đôi giầy để song song.
Đèm khuya chuột đói chạy vung kiếm mồi
Thấy trong giầy có mùi thôi thối.
Chuột vội-vàng chuột chủi đầu vô,
Gặm đôi bí-tất ca-rô (carreaux)
Bẩy ngày chưa giặt, rách rử từ lâu.
Non lòng đã hiểu đâu cuộc thế.
Dại một giờ, giận để trăm năm!
Tỉnh ra mới rõ là nhầm,
Biết phường họ Sở chơi khăm muộn rồi!
Trách thân dại, giận đời đen bạc;
Sống nhục-nhằn đành thác cho song
Nước hồ Hoàn-Kiếm bắn tung,
Hồng-nhan thôi thế là song một đời!
Hai chiếc giầy nổi trôi thảm-đạm,
Gửi oan-hồn lại đám đào tơ:
«Liễu bồ chút phận ngây thơ,
Đường tình thực chẳng có ngơ quanh-co.
Chị em phải liệu lo thân phận,
Kẻo uổng đời má phấn môi son.»
Cửu-toàn bạc-mệnh ngậm hờn.

Phạm-Nghiễm

DỊCH THƠ TÂY

La vase brisé

Le vase où meurt cette verveine
D'un coup d'évantail fut fêlé
Le coup dut l'effleurer à peine
Aucun bruit ne l'a révélé.

Mais la légère meurtrissure,
Mordant le cristal chaque jour,
D'une mache invisible et sûre
A fait lentement le tour.

Son eau fraîche a fui goutte à goutte
Le suc des fleurs s'est épuisé;
Personne encore ne s'en doute,
N'y touche pas, il est brisé.

Souvent aussi la main qu'on aime
Effleurant le cœur le meurtrit;
Puis le cœur se fend de lui-même.
La fleur de son amour périt;

Toujours intact aux yeux du monde,
Il sent croître et pleurer tout bas
Sa blessure fine et profonde,
Il est brisé, n'y touche pas.

Su'ly Prud'homme

Bình tan

Trong bình hoa, nhành lan ủ-rũ (1)
Chiếc quạt ngà đập vỡ từ bao!
Quạt kia hẳn mới trạm vào,
Sẽ không thấy tiếng ai nào biết chi.
Nhưng vết dạn lần đi mãi mãi,
Bình pha-lê nứt mãi không thôi;
Dạn đi đã hết vòng rồi,
Vết đi nhỏ tắt ai người thấy cho.
Nước trong-trẻo đã rò ra hết,
Chút hương trời bay mất từ bao.
Nào ai đã biết đâu nào!
Bình hoa đã vỡ, mó vào làm chi!
Trái-tim ta nhiều khi cũng thế.
Tay người yêu sẽ để vào thôi,
Mà tim đã bị thương rồi,
Vết thương ngày lớn thôi đời tình-duyên.
Ngoài, trông vẫn còn nguyên như cũ,
Trong âm-thầm lệ rỏ chứa chan.
Vết thương sâu hoắm khôn hàn.
Mà làm c' i nữa, thêm tan nát lòng!.....

Hoàng-Minh

(1) Hoa Verveine không biết dịch là hoa gì được; vì chữ ấy cũng không can hệ vào ý bài cho lắm, nên tạm dịch là hoa Lan.

HÀI-VĂN

Có chăng đất Bắc hết nhân-tài

Cái tin Phạm Thượng-chi nhập bộ lĩnh chức Tham-tri bộ Học mà ta đồn ran lên một độ, nghe đâu các ông bạn của Thượng-chi đã cải-chính là một tin đồn sai. Thì ra chỉ vì quốc-dân có đọc những bài sán-lạn của Thượng-chi đăng Nam-phong bàn về sự học chữ Quốc-ngữ, nên cảm-phục cái tài hùng-biện của ông mà ao ước Triều-đình cất nhắc lên chức Học-bộ tham-tri, để ông cải-cách sự học đó thôi. Sự nguyện-vọng của Quốc-dân rồi thế nào cũng được Triều-đình chuẩn-y, vì Á-đông ta vẫn coi dân làm trọng (*dân vi quý*).

Nay Tản-Hớn trong một cuộc thăng-thiên lại nghe thấy quốc-dân muốn xin Triều-đình đề cử mấy ông sau này:

Nguyễn Tản-đà lên chức Hình-bộ tham-tri, vì thấy trong mấy bài xã-thuyết gần đây, văn-án của Tản-đà kỹ-lưỡng quá, chiều theo hình-luật mãi từ đời Thuấn Nghiêu để kết tội một nhà ngôn-luận sống ở thế-kỷ thứ 20. Giá những văn ấy mà làm vào thời đức Tự-đức thì Ngài chắc cũng phải hạ bút phê một câu «Tản-đà chi án văn, Trẫm bất năng cập».

Nguyễn-văn-Vĩnh vào chức Khâm-thiên-giám chủ-sự, để ông soạn những bộ Hoàng-lịch. Vì gần đây ông lưu tâm đến sự soạn lịch xem ngày tốt xấu lắm.

Thôi! thế là đất Bắc ta sẽ mất ba đại-nhân-tài sắp vác cán bút vô Huế.

Tản-Hớn

Hỏi thăm «ông Cư Trịnh-đình-Rư»

Hỏi thăm ông cử Trịnh-đình-Rư.
Văn võ kiêm toàn thực đấy ư?
Rắp dự giải quần; tay khỉ vượn!
Từng khoe cán bút; óc thi-thư!
Thể-thao phụ-nữ nghe chừng thích (3),
Đạo-đức tiên-hiền ráng chẳng ưa.
Tản-Hớn ngẫm ra thì mới biết:
Cử-nhơn khoa thỏ(4) Trịnh-đình-Rư.

Tản-Hớn

(1) Chữ liền của báo Đông-tây (số 166-17-4-1932)

(2) Năm nào ông cử cũng có dự các giải ten-nit. Tay khỷ vượn là tay giải mà nhanh.

(3) Ông cử cùng anh em tỉnh Đông đón tiếp cô Việt-Nga long-trọng lắm.

(4) Khoa Thỏ là khoa Mão; Trỏ ý văn-chương ông cử mẫn tiệp, võ-nghệ ông cử nhanh-nhẹn.

NGU' NHAN

Thưa chung *các Ngài có thơ lai-cảo về trong mục Văn-đàn :*

Trong các lối thơ ca, « *Thất ngôn Đường-luật—bẩy chữ tám câu*» vẫn là một lối rất khó ; không phải là khó hay, mà khó sao hay cả tám câu. Cho nên từ xưa đến nay, bài thơ hay có nhiều, mà bảo là «hay cả tám câu» thời thực là khó nói. Thường thường trong một bài thơ tám câu, nhiều thời được bốn câu hay, ít thời được hai câu ; còn những câu khác đều thông nghĩa xuôi lời, mà không có chữ nào đến kém quá ; như thế, cũng đã là thơ hay, mà thực trong Thi-giới không de.

Cứ các thơ lai-cảo cho An-nam Tạp-chí, so với những thơ lai-cảo ở báo khác, liêu đã có một giá-trị, tư-cách riêng ; tuy vậy mà cầu được bài thơ đủ như câu nói ở trên đây, tóm lại chỉ là một số ít. — Dưới bực ấy, hoặc được hai câu hay, bốn câu hay, mà còn những câu khác không khỏi có chữ kém ; như thế thời trong Báo quán có thể theo tiên-nghi sửa đổi ít chữ mà đăng lên Văn-đàn, là một sự rất thuận-tiện.— Lại dưới bực ấy nữa, hoặc được hai câu, bốn câu, mà còn những câu khác kém quá. Như thế, nếu nhất nhất sửa chữa, thời một là tốn nhiều công-phu cho người ở bên trong ; hai là khó giữ được nguyên-ý của Tác-giả. Nếu bỏ đi không đăng, thời thực phụ Tác-giả mà phụ cả những câu thơ hay. Vì câu thơ có thể gọi là hay, trong Báo-giới lúc này rất hiếm !

Nghĩ như vậy, muốn được các Ngài cho phép : phàm những bài nào được ít nhiều câu có thể gọi là hay, mà còn những câu khác khó tinh sự sửa chữa, xin cứ câu hay thời trích đăng, câu kém thời bỏ hẳn, đặt vào khu-giới « *thơ trích câu* ». Như vậy, có lẽ mới được cả hai lẽ.

Lời thưa đày, xin đăng luôn trong hai, ba kỳ, Ngài nào hoặc không rộng phép cho, xin cho biết trước.

Nay kính

局書沱傘
務商
TẢN-ĐÀ THƯ-CỤC
Việc bán sách

I — **Sự bán lẻ sách gửi đi các Ngài ở nơi xa mua coi, Bản-cục xin định có những thể-cách như dưới :**

1. — Phàm các sách của Bản-cục gửi đi, không cứ nhiều quyển hay một quyển, đều theo cách gửi có đỏm-báo.

2. — Đối với các Ngài mua lẻ, mỗi bận gửi, từ 1 quyển đến 5 quyển, tiền cước-phí xin chỉ tính là 0p.10.

3. — Theo cách phương-tiện dẫn-dị, ngài nào muốn mua quyển nào, xin coi giá bán tường kê ở quảng-cáo, chiếu giá sách và tiền cước thêm 0$10, gửi luôn cho bằng « *tem thư* », kèm theo giấy mua sách.

4. — Gửi theo cách «*lĩnh hóa giao ngân* » (Contre Remboursement.)

5. — Những Ngài nào muốn cho Bản-cục được theo tiện-nghi, phàm có quyển nào mới in ra, sẽ cứ gửi tiếp, tiền thời các Ngài gửi cho làm từng lúc cho tiện ; như vậy, xin có thư cho biết tường sự giả tiền thời cứ lấy một đồng bạc (1$00) làm cữ.

II. — **Các sách của Bản-cục, ít gửi bán tại các tỉnh, các nơi xa. Các Ngài có thư-quán mà có lòng yêu mua buôn, xin tính định giá-cả như dưới :**

1. — Không cứ một thứ sách hay nhiều thứ sách cộng tính, Ngài nào mua buôn từ 20 quyển giở xuống, tính trừ 20%.

Ngài nào mua tới 50 quyển giở lên, tính trừ 30%.

Xin miễn có lời hỏi mà-cả.

2. — Phàm việc bán buôn của Bản-cục gửi đi các Ngài ở nơi xa, xin đều gửi theo cách « *lĩnh hóa giao ngân* » (Contre Remboursement). Cước-phí hết bao, nhất thiết về Bản-cục nhận chịu.

Tản-Đà Thư-Cục
chủ-nhân
Nguyễn-khắc-Hiếu
Kính bạch

Lời thưa chung. — Đối với các ngài có văn lai-cảo, chúng tôi đã có lời thưa chung nhiều lần, vậy xin rằng đừng có ngài nào gửi thư về *nhắc giục sự đăng bài*, và thứ nhất xin đừng gửi *tem sẵn*. Từ nay xin có các Ngài cùng trứng cho, trong Báo-quán hoặc có tiếp nhận những *tem sẵn* của ai gửi về, cần lấy giả lời về câu hỏi đăng bài, chúng tôi chỉ xin coi như một sự không có.

Nay kính

*
* *

Ông **Trần-văn-Thình** *Sadec.* — Thư ngài đã tiếp, xin lĩnh ý.

Nay kính

Ông **Châu-bạc-Hải** *Saigon.* — Thư ngài đã tiếp ; song có lĩnh ý được hay không, tôi chưa dám quyết hẳn.

Nay kính

Cô **Lê-thị-Lý** *Châu-đốc.* — Sách của Quí-cô gửi cho, và thư, tôi đã được nhận tiếp, xin cảm tạ.

Nay kính

Cô **Vũ-bạch-Hồng** *Phú-thọ.* — Sách của Quí-cô gửi cho, và thư, tôi đã được nhận tiếp, xin sẽ có giả lời.

Nay kính

Ông **Nguyễn-tiến-Bảng** *Thái-bình.* — Thư ngài và tem gửi mua sách, tôi đã được nhận tiếp ; sách xin gửi theo.

Nay kính

Các lời thưa và câu giả lời khác, xin đợi kỳ khác.

Nay kính
Nguyễn-khắc-Hiếu



XÃ-HỘI BA ĐÀO KỲ

ÔNG CHỦ BÁO CHẲNG BẰNG LÒNG

Hễ bao giờ ông chủ-nhiệm tờ *Đời mới* đến tòa báo mà ngậm cái tẩu thuốc lá chệch sang một bên hàm và hay khịt mũi, thì y như hôm ấy ông có việc gì chẳng bằng lòng.

Sáng hôm ấy cũng thế cho nên từ lúc bước chân đến cửa tòa báo, ông đã gắt như mắm tôm! Thỉnh thoảng đưa tay đập vào cái túi nó ngậm chặt mấy tờ báo mới xuất-bản, ông vào buồng giấy, mắng loong-toong để giấy bừa bãi; ông xuống nhà in, cự người coi thợ chẳng chịu trông nom. Ông qua buồng tòa soạn, nắm quả bàng cửa, toan vào, nhưng lại quay gót tạt ngang, mở cửa buồng tòa trị-sự, đẩy lại đánh thình, ngồi vào ghế, lôi bọn báo ở túi ra, đập mạnh xuống bàn, rồi bấm chuông gọi loong toong. Anh này, mặt tái xanh như thằng ốm sẽ sẽ đi vào, ông hất hàm hỏi :

— Ông chủ bút đến chưa ?

— Bẩm ông chưa.

— Anh đạp ngay đến nhà ông ấy, nói rằng mời ông đến tòa báo có việc cần. Trời ơi ! Ra các ông ấy giết tôi thật ! Các ông ấy cứ làm ăn thế này, thì báo này đến vỡ lúc nào không biết mất !

Tiếng ông chủ-nhiệm nói toang-toang như lệnh vỡ, ai cũng nghe thấy; nhưng chẳng ai đoán vì việc gì, mà mới hôm kia, ông ở tòa-báo thì chuyện trò vui vẻ, hôm qua ông đi vắng, đến nay ông về thì khác hẳn như thế.

Họ đều sợ hãi, ngơ-ngác nhìn nhau, kẻ đoán thế nọ, người đoán thế kia, nhưng đều hụt lý. Ừ, đáng lẽ ông ấy đi vắng về lần này thì vui vẻ bằng ba, bằng bốn mọi ngày mới phải ; vì hôm qua, khi ông không có nhà, thì tờ báo có một tin hay để đăng, ông chủ-bút cho in một vạn rưỡi số, nghĩa là gấp bốn ngày thường, mà in đến đâu, bán chạy đến đấy. Kể từ ngày tờ *Đời mới* ra đời tới nay, chưa từng có lần nào cho in bạo tay như lần này, mà cũng chưa có lần nào được hoan-nghênh như số ấy. Cả tòa đều mừng-rỡ, vậy cớ làm sao, ông chủ-nhiệm lại cau-có thế kia. Hay là ông thấy ông chủ-bút lấn quyền, chẳng hỏi han gì, cứ tự tiện cho in nhiều thế, mà ông tức chăng ? Nhưng mà báo bán chạy thì ông còn nên nói chi nữa. Nếu chẳng phải vì cớ ấy mà từ nẫy đến giờ ông phải phát cáu, thì họ cũng chịu không đoán được ra hơn nữa.

* * *

Muốn các độc-giả hiểu rõ câu chuyện này, tôi xin lấy một việc mới xảy ra ở Hà-thành trong ít lâu nay làm thí-dụ. Sở-dĩ tôi đem chuyện *thực* để thí-dụ cho rõ câu chuyện *đặt*, là tôi cũng mắc phải cái bệnh dùng điển-tích ; nhưng vì tôi tin là bụt chùa nhà cũng thiêng, nên tôi lấy ngay câu chuyện An-nam, nhân-vật An-nam, là đỡ nội-hóa ai cũng biết; không dám như ai, tả một cô tiểu-thư đẹp, mà đến mượn câu : Tây-thi mất vía, Hằng-nga giật mình, nghĩa là lấy cái không biết để giảng nghĩa cho cái có thể biết, khiến độc-giả lại thêm lờ mờ một lần nữa.

Cái thí-dụ sau đây, tình cờ tôi kiếm lấy, chứ, nói lấy giời, thực tôi chẳng thù hằn gì hai tay chủ-động, định thổi đống gio tàn đã gần nguội để « đốt » ai ; mà tôi cũng chẳng có hân-hạnh quen biết họ mà mong làm quảng-cáo không công cho họ, vì cái thủ đoạn kỳ dị mà họ chủ-trương đã tự thừa làm quảng-cáo để khắp Trung. Nam, Bắc ba kỳ biết tên họ rồi vậy.

Các báo hàng ngày ít lâu nay đăng một việc, mà An-nam tạp-chí số 35 cũng có nói qua đến, hẳn các độc-giả còn nhớ, là *ông giáo Thám với bà Khiêm :*

«*Ông Vũ-tam-Thám giáo-sư, từng sở Thư-viện Hà-nội, Thị-Khiêm vợ ông giáo sư Trần-văn-Khang, hai người vốn là bạn học cũ.*

« *Nay tuy đã thành gia thất cả, nhưng. . . . . họ gặp nhau, họ vẫn vồn vã bắt tay bắt chân tự do trò chuyện.*

« *Một hôm, cách đây cũng không xa, hai người cùng biến mặt ở đất Hà-thành, làm cho dư-luận xôn xao, inh ỏi. Họ cũng là hạng người có tai mắt. . . . . .*

Như những việc này, thì có phải ai xem báo cũng đều chú ý, cố mong ngóng để muốn biết hai sự biến mặt ấy liên-can với nhau không, mà ông Thám có đích là quyến dũ vợ bạn thực hay là bị ngờ oan không ?

Ở xã-hội mà thỉnh-thoảng không xảy ra những chuyện quái gở ấy, tờ báo hàng ngày thực là nhạt hoét, chẳng ai buồn mua để xem tin mất chó, mất vi da làm gì ! Cho nên những khi các báo có những việc « dễ gậm » như . . . . . việc Trung Nhật chiến-tranh . . . . . tranh cúp quần vợt, thì đều lấy làm mừng ! Nhưng đến khi những tin ngon ấy hết cả, thì thôi ! Các ông trong tòa soạn chẳng được ngồi rồi tán hão, cứ phải hết ngày ấy sang ngày khác, nặn óc để viết ra những bài luận-thuyết đại cà-sa, mà độc-giả nhỡ ra vô ý đọc phải, cũng lấy làm một sự khổ tâm vậy !

Cho nên ở về cái xã-hội ít truyện như cái xã-hội An-nam mình, mà gặp phải lúc «thời-sự khủng-hoảng» thì báo hàng ngày hay ế. Lúc ấy, các ông chủ báo ranh mãnh khôn hay gây nên phong-trào dư-luận để mong cho báo được sống còn : nào là chưng cầu ý-kiến; nào là mở cuộc để thi, nào điều tra, nào phỏng-vấn, các ông cố dùng những tiếng to tướng, để nặn ra truyện! Một việc bằng con muỗi, các ông phóng đại cho nó phồng lên bằng cái đình !

Ngày năm ấy, cũng đã lâu, có một chuyện đại khái cũng đều giả

như việc ông Thám với bà Khiêm bây giờ vậy. Hai người cũng tự-nhiên biến mất, mà chưa ai rõ vì cớ gì trốn đi và đi đâu. Hai tay chủ động ấy địa-vị cũng quan-trọng không kém gì, mà có khi hơn, ông Thám với bà Khiêm nữa. Lâu ngày rồi, tôi chẳng muốn nhắc lại cái tên quý hóa ấy, xin hãy tạm đặt tên cho hai vai chính trong tấn kịch bỏ nhà này, người đàn ông là *Tê*, người đàn bà là *Ca* cho dễ nhớ.

Độ ấy dư-luận cũng xôn-xao, chẳng khác gì bây giờ, mà dư-luận xôn-xao đến bực ấy, là nhờ công ông chủ-nhiệm tờ báo *Đời-mới*. Ông khéo dặn tòa soạn nên nhân việc mà kéo cho dài câu chuyện, nay phỏng-vấn chồng bà Ca, mai nửa giờ nói chuyện cùng vợ ông Tê: một việc khốn nạn, mà báo ấy nói đến hơn một tuần lễ mới rứt. Rồi lại khéo rắc mối ngờ vào óc xã-hội, nay báo ấy đoán-phỏng là hai tay đó, quả là có tư-tưởng học-thức, có lẽ có chân trong hội-kín, đã rủ nhau sang Tàu, mai báo ấy lại nói hoặc là thời buổi văn-minh, hai người đó đã lạm-dụng chữ tự-do bị chìm đắm vào trong bể tình, nay tỉnh-ngộ, dễ thường đã cùng nhau tự-tử.

Người nhà những người ấy đi trình báo, sở mật-thám đã phái người đi dò la, nhưng tuyệt vẫn chưa thấy tin tức. Các bài đăng báo, văn-chương sáng quắc như ban ngày, mà chính hai tay nam nữ chủ-động vẫn lần quất trong bóng tối mù của cuộc thám xét. Tóm lại, một cái dấu hỏi đỏ còn lửng lơ ở cổng tòa án dư-luận, như ở bìa quyển truyện trinh-thám vậy.

Rồi tờ *Đời-mới* sợ câu chuyện ấy chết ở trong trí nhớ xã-hội, nên khi dư-luận chỉ còn ngắc-ngoải mà thôi, bèn cố nuôi cho nó sống lại. Ở mục «*Quanh việc Tê Ca*» in ngay trang đầu, báo ấy nay hô hào nên chấn-hưng phong-hóa bằng cách nào; mai bàn nam-nữ có nên giao-thiệp hay không; ngày kia lại nói đến tình nghĩa vợ chồng, bè bạn. Dòng rã gần một tháng giời thì đến hôm ấy ông chủ-nhiệm đi vắng, tức là hôm ông chủ-bút cho in một vạn rưỡi tờ. Dám in một vạn rưỡi tờ, thì hẳn các ngài đoán ngay rằng số báo đó có chuyện ông Tê và bà Ca thế nào lạ lắm thì phải. Vâng, báo ấy đăng tin đã thấy tiêu-tức ông Tê và bà Ca, và có in thêm tấm ảnh hai người ấy đi chơi mát; bài đăng ấy thực là cái thìa khóa mở nắp cái hòm bí-mật, mà bài đăng ấy lại là cái thìa khóa khóa tách câu chuyện Tê Ca.

Nguyên sáng hôm ấy, hồi tám giờ, khi ông chủ bút đến tòa soạn, thì người loong-toong theo vào, đưa phong thơ và nói:

— Thưa ông, ông phóng-viên ở Lào-kay đưa phong thơ này, và dặn rằng đây là một việc đăng về việc Tê Ca; vì trong ấy có cái kính ảnh cho nên ông ấy gởi nhà giây thép sợ vỡ mất, mà ông ấy phải thân-hành đem về, và xin ông cho đăng ngay vào kỳ báo hôm nay. Đến chiều hay sáng mai, ông ấy sẽ lại nói chuyện.

Nỗi mừng nở thành nụ cười trên miệng ông chủ-bút, ông bèn vội vàng bóc phong thơ ra đọc. Đọc xong, ông cầm bút đỏ biên số con chữ, rồi gọi người cai nhà in, bảo cho xếp ngay bài ấy lập tức ở trang nhất.

Ông bắt giập ngay bản in thử để tự tay ông sửa lại; ông ngắm xem cách in như thế đã rõ rệt chưa, rồi ông đặt bút, xoa tay, tủm-tỉm cười, bảo người thợ in rằng:

— Báo hàng ngày ăn thua nhau về tin tức, có nhanh tróng mới có thể đánh dổ được chúng nó!

Ông cho in một vạn rưỡi tờ, mà mới có hơn ba giờ báo đã lên khuôn, rồi in được bao nhiêu, ông hãy cho gấp ngay để cho trẻ con chạy bán khắp các phố.

Ngày ấy chưa có nghị-định cấm cái lối quảng cáo các bài trong tờ báo bằng mồm, cho nên trẻ con rao ầm ỹ, mà khách qua đường ai nghe thấy cũng bỏ ra hai xu để mua.

— Tờ *Đời-mới* đã tìm thấy Tê Ca ơ!

Ngót vạn tờ đua nhau bay như bươm-bướm ở nhà in ra, đến độ mười giờ tối đã hết sạch, mà khi tòa báo đóng cửa rồi còn có người dám thình thình hỏi mua mọt số!

Bài đăng về việc ấy, như sau này:

Tê và Ca đi đâu?

«*Tê và Ca chẳng phải có chân trong hội-kín. Tê và Ca chỉ là hai tân nhân vật thờ thần ái-tình, mà yêu nhau quá dỗi nên mê.*

«*Tê và Ca chẳng bị làn sóng dư luận đánh bạt xuống sông xuống biển mà mất tích, Tê và Ca hiện nay đương trú ngụ tại nhà săm Mỹ-Lạc tỉnh Lao-kay.*

«*Chứng cớ?*

«*Thì đây, độc giả thử nhìn cái ảnh in dưới này sẽ biết rõ.*

«*Kết cục mối ngờ,* **Đời-Mới** *hẹn từ nay chẳng thừa hơi đả động đến tên đôi dan-phu dâm-phụ.*»

P. V.

Dưới bài, in ảnh hai người khoác tay nhau đi chơi trong miền rừng núi.

*
* *

Người loong-toong tòa báo *Đời-mới* lật-đật đi gọi ông chủ-bút, và cũng nói qua không biết vì đâu ông chủ-nhiệm chẳng bằng lòng. Ông này cũng không đoán được ra cớ gì, vừa đi đường vừa luẩn quẩn nghĩ.

Lúc đến tòa báo, thì ông chủ-nhiệm đương đứng ở dưới nhà in gắt gỏng bọn thợ, ông chủ-nhiệm thấy ông chủ-bút đến, bèn chạy lên, bắt tay và mời vào buồng giấy. Ông chủ-bút nhận thấy chủ mình vẫn còn ngậm cái tẩu thuốc lá chệch sang một bên hàm và khịt mũi luôn, biết rằng cơn bẳn chưa nguôi, bèn làm ra mặt vồn-vã vui vẻ và hỏi:

— Ông vẫn bình yên?

— Bình yên?! Mời ông ngồi đó. Úi chà!

Ông chủ-nhiệm đặt phịch cái cày thịt xuống ghế, ruỗi thẳng cẳng hai chân ra đánh riêm châm lại điếu thuốc, nghiêm sắc mặt lại, thở dài, vỗ vào tập báo ở bàn rồi hỏi:

— Thế nào? Hôm qua ông cho in bao nhiêu?

— Tôi cho in một vạn rưỡi, mà ngày hôm qua thực đáng là ngày kỷ niệm của tờ *Đời-mới*, vì bán lẻ ở Hà-nội, gởi đại-lý các tỉnh và các người mua năm, chỉ còn có ngót trăm số!

— Các ông làm ăn thế thì tòa báo này đến vỡ mất thôi!

— Tại làm sao, ông cứ nói?

— Nhưng trước hết xin ông đừng giận. Tôi bực mình lắm. Tôi lăn lộn trong làng báo trong bao nhiêu năm giời, không lần nào thấy nguy-hiểm như ngày hôm qua.

— Vậy ông xem từ ngày Bắc-kỳ có báo tới nay, có cái nào một số chạy nổi vạn rưỡi tờ không.

— Vẫn biết vậy, nhưng chính là ông đáng trách ở chỗ đó, thì ra ông làm báo chửa lành nghề! Sao ông lẩn-thẩn thế!

— Thế lại còn lẩn-thẩn?

— Phải, chính ông lẩn-thẩn; ông được một tin hay, mà ông chỉ để báo ra có thế, chỉ có một kỳ thôi, còn có nghĩa-lý gì không?

— Ô hay! thì câu chuyện tóm lại chỉ có thế mà?

— Chỉ có thế? Tờ báo đang đói thời sự, sao ông không cho nó ăn giè? Ông nhồi-nhét cho cả vào một kỳ, ông lại hẹn không đả động đến truyện ấy nữa! Ông không biết tôi cố công nuôi cái truyện này bao nhiêu ngày à? Thế mà đến hôm tôi đi vắng, ông giết chết nó! Sao ông không câu độc-giả! Họ đang say lử về cái mồi của tôi, đến tay ông, ông thả buột đi mất! Sao ông không «còn nữa», «còn nữa» mãi một tin ấy; cứ như tôi, thì việc này ít ra tôi cũng kéo được nửa tá, mà hèn ra mỗi số cũng được ngót vạn tờ. Vậy mà ông vụng đến nỗi chỉ in ra có một số, cuối bài đã chẳng hẹn hò độc-giả xem tin thêm ở số sau, ông lại cao-thượng mà chẳng thèm nói nữa. Bây giờ, thôi, thế là xong!... Đây này ông nhìn xem, vì ông khờ mà mấy tờ báo «lá cải» nó cướp mất mồi. Báo ông cho ra lúc ba giờ, thì chín giờ tối nó in ngay phụ-trương để tranh khách! Này còn tờ *Buổi-sáng* này nữa, ông thử đọc mà xem, có phải bài thời-sự ấy nó viết hay mà văn-chương bao nhiêu không?

— Ai chả biết là tin ăn cắp! Họ làm gì có phóng-sự ở Lao-kay!

— Ai biết? ông bảo ai biết? ông xem hai bài có đoạn nào giống nhau không. Đấy, sự thực có hơn gì câu bịa? Những thời-sự mọi khi ông viết tôi vẫn kêu là ngắn quá, phải tốn nhiều việc mới đầy mấy cột báo; mà ông còn kém ở chỗ cứ phải mắt trông thấy mới viết được việc. Ngồi nhà mà chả viết được một bài tường thuật đám đánh nhau, cuộc diễn thuyết, việc chẹt xe á? Thì nó có mẫu sẵn, chỉ thay đổi một vài tiếng, có khó gì? Hứng bút ra, ông tìm những giọng văn cho mới, dùng những chữ cho ngây ngô, có vẻ lây một tí để lòe đời, có phải lắm người chuộng không? Mà làm báo kiêng nhất một việc là công-kích phong-trào. Độ nọ nếu tôi không can, thì ông đã công-kích bọn phụ-nữ tự-do rồi đấy! Cổ-động phứa đi, công-kích làm gì, ông tính có phải vợ con mình đâu mà mình cấm? Công-kích họ, tức là gây một bọn ác-cảm với báo mình, hơi đâu? Thôi, xin ông nghe tôi một chút, và mời ông đi làm việc, ông chớ giận tôi nhé!

Ông chủ-bút chẳng được vui, cầm tập báo mới sang bàn giấy. Ông đọc tờ *Bạn-trẻ* xuất bản hồi chín giờ đêm hôm trước.

« Tin Tê-Ca.

« *Tê và Ca mà bấy lâu nay bạn độc-giả* Bạn-trẻ *vẫn mong ngóng tin tức, thì hiện nay đang ở nhà sầm Mỹ-lạc tỉnh Lào-kay.*

« *Đôi nam nữ lãng-mạn ấy, nay chẳng dám nhìn mặt người xã-hội, thỉnh-thoảng chỉ hai người thơ-thẩn với nhau, khoác tay nhau vào nơi rừng rậm non cao, xa nơi phố phường đông-đúc, để tiêu giao cùng hoa tươi cỏ thắm. Vậy mấy lời vội vàng,* Bạn-trẻ *mách nhỏ hai gia-đình có con quý-hóa ấy, sớm liệu tìm đến nơi mà bắt về, dạy cho một bài học về phong-hóa».*

Theo điện-thoại của phóng-viên

Bạn-trẻ.

Mặt tím bầm như quả bồ-quân, ông chủ-bút lại giở tờ *Buổi-sáng* ra đọc:

Kết-quả cuộc điều tra Buổi-sáng
Ai bảo Tê và Ca tự tử??

« *Vì* Buổi-sáng *tiếp được tin của phóng-viên khi chậm, nên kỳ báo hôm qua đã lên khuôn, không kịp đăng ngay, vậy nay xin đăng nguyên vẹn bài tường-thuật ấy:*

« *Tỉnh Lao-kay ở vào chỗ biên-thùy, tuy là một nơi ban ngày vắng vẻ, nhưng đến tối thì lại là một cái phòng trọ lớn chứa hành-khách lạ, từ Hà-nội đi Vân-nam hoặc đi Chapa, và từ Chapa hoặc Vân-nam về Hà-nội. Bởi vậy các phòng chứa khách rất nhiều, mà việc thuê buồng ngủ đêm cũng rất thường thấy vậy.*

« *Vì mục-đích* Buổi-sáng *là bài trừ hạng người làm bẩu rếu cái phong-hóa của nước Cổ-việt-nam, cho nên từ ngày xảy ra vụ Tê Ca,* Buổi-sáng *đã đoan quyết tìm cho ra đôi nam nữ quá ư tự-do ấy. Từ đó,* Buổi-sáng *phái một phóng-viên đi khắp các nơi, để mong giúp một phần tìm tòi hộ sở mật-thám và cho hai gia-đình đáng thương ấy. Thì đây, câu chuyện đã rõ rệt như ban ngày.*

Tê và Ca chẳng làm quốc-sự, Tê và Ca chẳng tự tử như mấy tờ báo «lá cải» đã dám đoán phỏng một cách vô-lý. Tê và Ca hẳn chỉ tìm quanh ở đất nước nhà một nơi hẻo lánh để tránh mặt nương thân. Trọng việc làm hơn lời bàn suông nói hão, Buổi-sáng *quyết dùng tay vào việc. Thì trừ tỉnh Lao-kay ra, hẳn không còn nơi nào có thể lẩn núp được mãi cái bộ mặt khuyển lang của đôi dan-phu dâm-phụ,* Buổi-sáng *nghĩ. Vì vậy phóng-viên* Buổi-sáng *chẳng quản đường xa dặm thẳm, cố lặn ngòi noi nước, lên được đến nơi ải lạnh rừng thiêng, cố điều tra trong các sầm trọ, thì thấy đã hơi có chút ánh sáng rọi qua tấm màn đen bí mật.*

Này! Ai đi qua nhà Mỹ-lạc, nhác mắt nhìn vào trong một buồng, có trông thấy một chàng thiếu-niên nam nữ ăn mặc ra cách tân nhân-vật Hà-thành mà chẳng lấy làm ngợ. Đôi trai gái ấy, ngày thường chẳng dám bẻ bạn cùng ai, mà bốn bức tường buồng chật hẹp như chẳng đủ điềm vào câu chuyện cho thêm nồng mặn nên những khi trăng thanh gió mát, êm ả chiều giời, thì ta lại thấy trên đường kia, ẩn hiện ở dưới bóng cây một cặp trai gái, xinh đẹp như đôi uyên-ương, cậu cao bạc, đầu trần, mợ áo mùi, quần trắng, khoác tay

nhau, đo từng bước mà trò chuyện nhỏ to. Ôi! trước mắt rừng rung, bên tai sóng réo, cái non nước đa tình nó cũng hợp với cái óc lãng-mạn của giống đa-tình vậy! Cho nên mảng vui về cảnh, quá say về tình, mà dư-luận eo óc bên mình, nào có để ý tới! Ấy, Tề và Ca đấy?

Than ôi! Chữ tình là chữ chi chi?
Cho gan sắt đá cũng si về tình!
Khuyên em đừng đẹp đừng xinh,
Em khuynh thành lắm, anh khuynh gia nhiều!
Khuyên anh anh chớ mĩ miều,
Anh ròn tán lắm, em liều theo ngay!

Phóng-viên

Ông chủ-bút đọc xong, tức đến nỗi tái mặt lại, thì ngoài cửa có tiếng gõ ông phóng-viên ở Lao-kay vào.

Ông chủ bút đứng dậy chào, bắt tay, mời ngồi, rồi ông cũng đặt phịch cái cây thịt xuống ghế, ruỗi thẳng cẳng hai chân ra, nghiêm sắc mặt lại, thở dài, vỗ vào tập báo ở bàn, và nói:

— Ông làm ăn thế thì tòa báo này đến vỡ mất thôi!

— Tại làm sao, thưa ông?

— Tôi bực mình lắm. Tôi lăn lộn trong làng báo trong bao nhiêu năm giời, không lần nào thấy bất đắc ý bằng ngày hôm qua.

— Thưa ông, nhưng tôi tưởng báo hàng ngày ăn thua nhau ở tin tức nhanh chóng, mà hẳn chỉ có một mình tôi biết tin ấy, chứ các báo có phóng-viên trên Lao-kay đâu?

— Vẫn biết vậy, nhưng chính là ông đáng trách ở chỗ đó, thì ra ông làm báo chưa sành nghề, mà tòa báo dùng lầm ông! Sao ông lần thần thế? Ông vẫn còn trẻ người non dạ, chưa lịch duyệt, còn nhiều cái hấc lờ lắm.

— Thế còn lần thần, hấc lờ?

— Phải, chính ông lần thần, ông hấc lờ. Ông được một tin hay, mà ông chỉ viết có một bài ngắn, để đăng vào có một kỳ, chỉ có một kỳ thôi, còn có nghĩa lý gì không?

— Vâng, thì nói thế là đủ ý chứ còn gì nữa?

— Trời ơi! thế nào là đủ ý! Ý biết thế nào cho đủ! Bây giờ tôi mới thấy ông nói thế là một! Tờ báo đang đói thời-sự, sao ông không cho nó ăn giè? Ông nhồi nhét cho cả một kỳ, ông lại hẹn không đả động đến truyện ấy nữa.

— Thì sao ông không chữa lại và kéo dài ra?

— Vì tôi không muốn làm mất lòng ông. Ông không biết tôi có công nuôi cái chuyện này bao nhiêu ngày à? Thế mà chính tay ông, ông giết chết nó! Sao ông không câu độc-giả! Họ đang say lử về cái mồi của tôi, đến ông, ông thả buột đi mất. Sao ông không «còn nữa» «còn nữa» mãi một tin ấy như mục tiểu-thuyết, như bài diễn văn, như lối tường thuật vụ án quan-trọng; cứ như tôi, thì việc này ít ra tôi cũng kéo được một tá, mà hèn ra, mỗi số cũng chạy nổi hơn vạn tờ. Vậy mà ông vụng đến nỗi chỉ viết ra có một số, cuối bài đã chẳng hẹn hò độc-giả xem tin thêm ở số sau, ông lại cao thượng mà chẳng thèm nói nữa! Bấy giờ, thôi! thế là xong!... Đây này, ông nhìn xem, vì ông khờ mà mấy tờ báo «lá cải» nó cướp mất mồi. Bài của ông ra lúc ba giờ, thì chín giờ tối, nó in ngay phụ trương để tranh khách! Này, còn tờ *Buổi-sáng* này nữa, ông thử đọc mà xem, có phải bài thời-sự ấy nó viết hay mà văn-chương bao nhiêu không?

— Chà! họ ăn cắp tin, ai mà chả biết!

— Sao ông nói rốt thế! Ai biết? Ông xem hai bài có đoạn nào giống nhau không? Đấy sự thực có hơn gì câu bịa? Những thời-sự mọi khi ông viết, tôi vẫn kêu là ngắn quá, mà thiếu nhiều văn-chương. Như thế phải tốn nhiều việc mới đầy mấy cột báo. Ông phải biết những người làm báo lâu năm như tôi, viết thời-sự không cốt gì phải mục kích mới viết nổi, mất thì-giờ lắm! Ngồi nhà mà chả viết được bài tường thuật đám đánh nhau, việc chết chẹt, vụ đắm thuyền à? Này đến ngay như việc không từng xảy ra ở Việt-nam, đại-khái như việc chiến sự ở Ngô-tùng bên tầu, mà tinh ý ra, cũng viết được một bài rõ ràng như báo Trung-hoa, Nhật-bản. Thì nó có mẫu sẵn cả, đám chẹt xe thì tất sứt đầu, kẹp tay, máu mê lênh-láng, rồi khéo tả ra như bài luận nhà trường, kết cục thêm hai chữ «tội-nghiệp»; việc nào cũng giống việc nào, chỉ thay đổi có một vài tiếng, có khó gì; hứng bút ra ông tìm những giọng văn cho mới, dùng chữ cho ngây-ngô, có vẻ tây một tý để lòe đời, có phải lắm người chuộng không? Bây giờ họ làm báo thế cả chứ có cốt gì học-thức lắm đâu. Vậy mà báo họ vẫn chạy lắm. Những lời tôi khuyên ông, tôi xin ông nghe tôi, bởi vì, chẳng phải khoe, tôi sành nghề làm báo hơn ông.

— Vâng, cảm ơn ông và xin lỗi ông, tôi muốn sang buồng ông chủ nhiệm.

— Thôi, ông không cần sang, ông ấy vừa gắt ông đấy, ông ấy gắt suốt cả ngày hôm qua đến nay! Nếu không có tôi nói đỡ, thì có lẽ ông ấy đã viết thư ngay từ sáng sớm lên Lao-kay để thu cái «các» phóng-viên của ông lại rồi đấy!

Ông phóng-viên bùi-ngùi đứng dậy, tạ ơn ông chủ-bút và xin cáo từ lui ra. Khi đã khép cửa, ông chủ-bút còn trông theo và tủm tỉm cười, rồi, như còn quên một câu gì của ông chủ-nhiệm chưa nói nốt, ông gọi rật ông bạn đồng-sự lại mà rằng:

— À này, ông phóng-viên, sau hết xin ông đừng giận tôi nhé!

Ông phóng-viên nhìn ông chủ bút như một vị ân-nhân, nghe thấy vội trả lời rằng:

— Ấy chết! thưa không, tôi không dám ạ.

Nguyễn-công-Hoan



Hai tờ Tuần-báo «Chớp-bóng», «Bắc-kỳ thời-báo» đã ra đời!

Tờ «Văn-học tạp-chí» sắp ra!

Kỳ này, bản-chí không kịp giới-thiệu dài, xin lượng thứ.

ĐÂU CÓ LẠ-LÙNG !

Jack London
soạn

14

Trà-sơn
dịch

Lúc mặt giời gần lặn, gió thổi hắt hiu đưa đến Bế-rang-đệ một chiếc tầu buồm, chiếc tầu Mi-nô-ta. Tầu thả neo, một lát người chủ tầu lên bộ.

Người đó là một chàng thiếu-niên tuổi chừng đôi mươi, tiếng nói dịu-dàng êm-ái. Khi nghe chàng Xen-đôn nói chuyện rằng chàng thiếu-niên đó một mình chỉ-huy chiếc tầu chơ chọi với một bọn mọi đen mới mộ được ở Mã-lai-tạ, cô Gian-nê liền có ý hâm-mộ ngay,

Lại đến khi nàng biết rõ chàng tên là Ký-sơn-dung, sinh ở đảo Nộ-phong mẹ là người Ta-hải-ty, cha người Anh-cát-lợi thì đối với chàng, nàng lại càng thêm có cảm-tình. Ông cha chàng nguyên trước làm ở một chiếc tầu binh, vì có dự vào một cuộc biến-động xẩy ra ở trên tầu nên phải sang đó (1). Câu chuyện thật xứng đáng làm tài-liệu cho một thiên tiểu-thuyết!

Trông cái cặp mắt hiền-từ, cái tiếng nói êm-ái, cái nước da ngăm ngăm của chàng ai cũng biết ngay rằng chàng là một người lai Ta-hải-Ty và Anh-cát-lợi.

Bề ngoài trông ra thì chàng giống mẹ, nhưng bên trong vẫn hiền-nhiên có cái nghị-lực khắc-khổ của giống người nước Anh. Nhờ có cái nghị-lực ấy, chàng mới có thể chỉ-huy được một chiếc tầu, đi lại chở hàng, để kiếm kế sinh-nhai ở quần-đảo-Sa-lô-mông, là nơi lam-chướng.

Vì đột-nhiên thấy cô Gian-nê ở đó, mà thoạt tiên chàng ra chiều ngượng-nghịu. Nhưng sau thấy cô ta cử-chỉ ra vẻ tự-do thành-thực nên chàng cũng được dễ chịu ngay. Nhưng, cách cử-chỉ ấy đã chọc mắt chàng Xen-đôn, lại hình như không còn một tý gì là cái thói giữ-gìn e-lệ của phái nữ-lưu nữa. Đối với các việc mới lạ trong hoàn-hải, chàng Ký-sơn-dung không được thông thuộc cho lắm. Nhưng trái lại, các tin-tức riêng ở quần đảo Sa-lô-mông, thì chàng thật là một cái mắy thông tin

Ở phía bên kia sườn đảo Ga-đa-ca-na có 15 tên mọi đen làm trong đồn-điền Lăng-ga ăn cắp súng của 3 người chủ, rồi chốn vào rừng mất.

Chàng Ký-sơn-dung thuật chuyện rằng:

— Ba người chủ đó đuổi bắt mãi chúng mà không được. Sau chúng cướp một chiếc xuồng rồi bơi ra biển chốn đi: Rồi đây có lẽ một ngày kia chúng sẽ lần-mò đến chực kiếm ăn ở đây, các ngài nên giữ mình một chút.

« Tôi lại thưa để ông Xen-đôn rõ, cái người vừa làm đại-lý vừa thông tin tức cho ông ở Uy-gi mới bị giết. Giữa ban đêm tụi mọi đen đi 5 chiếc thuyền độc-mộc tự bến A-đam kéo đến đảo Uy-gi, chàng Ốc-sĩ-ca đang ngủ thì bị chúng giết. Chúng vào kho cướp phá vơ vét xong, còn gì chúng châm lửa đốt ráo.

« Tầu Phi-lý-be đang đỗ ở cửa Bô-ly, nhận được tin báo lập tức nhổ neo lại cứu, nhưng muộn mất rồi. Khi cái tin ấy đưa đến, chính tôi cũng ở cửa Bô-ly.

Chàng Xen-đôn nói:

— Như vậy có lẽ tôi sẽ phải bỏ đảo Uy-gi là một nơi tiêu-thụ rất mạnh.

Chàng Ký-sơn-dung lại nói:

— Ý-kiến của tôi cũng vậy. Thế là chỉ trong vòng có một năm giời mà ông mất tới hai người đại-lý ở nơi đó. Có lẽ cần phải có hai người da trắng ở đó để họ bảo-hộ lẫn nhau..Nơi này là một nơi không tốt. Thuyền ở Mã-lai-tạ đến đấy quấy nhiễu rất tiện lợi, chắc ông cũng chả lạ gì cái sào-huyệt ở bến A-đam.

«Àquên,tôicó mang theogiùm ông một con chó. Con chó này của ông Tô-mi-dương ở đảo Nê-an gửi lại biếu ông đó. Ông ta có nói với tôi trước đây ông ta đã hứa với ông. Con chó này săn mọi tốt bực nhất, Nó mới xuống tầu có hai phút mà bao nhiêu người làm của tôi đều phải sợ chạy toán-loạn, leo lên cột buồm cả, tên nó là con Sa-tăng (quỷ-sứ)

Cô Gian-nê nói:

— Xen-đôn tiên-sinh, thật quả tôi vẫn thường bụng hỏi gia sao ở đây tôn-ông không có được lấy một con chó.

— Cái nỗi khó khăn là làm sao mà giữ được nó, giống chó thích tắm bể lắm, rồi cá sấu nó cũng vồ mất mà thôi...

Chàng Ký-sơn-dung lại dịu-dàng nói:

— Tôi còn cần thưa để ông biết rằng ông Giác Hàn-lê bị giết ở vụng Ma-rô-vô chừng 2 tháng nay.

Cô Gian-nê hỏi:

— Vụng Ma-rô-vô ở đâu vậy?

— Ở cách đây chừng 200 hải-lý. Ở vụng đó đi về phía Tây-bắc thì đến ngay đảo Bưu-ganh-vi... mà chính là đầy tớ của ông ta nó thông mưu với tụi mọi đen để giết thầy, còn một phần người bạch-chủng cùng làm với ông ta thì chốn thoát.

«Ông Mã-tê được tin ấy bèn đáp chiếc Li-li đến tận Ma-rô-vô; khi đến một làng kia, đã thấy đầu lâu ông Hàn-lê bị phơi khô, ông liền cho đốt cháy cả làng, rồi mang cái đầu lâu ấy về.

«Đấy, tôi tưởngđại khái tin tức có thế thôi. À còn truyện tụi mọi ở phía Đông đảo Y-da-ben, không biết chúng dùng cách gì mà kiếm được nhiều súng lắm. Về việc này chính-phủ cần phải điều-tra cho rõ ràng

(1) Đảo Nộ-phong thuộc về Mê-la-nê-di quần đảo. Ở đó hiện có một cái đề-lao.

có lẽ nay mai sẽ phải chiếc tầu Cam-biên sang đấy; chiếc tầu này vừa triệt hạ miền Bi-na kỳ mới rồi.

Sau khi chuyện trò vui vẻ, chàng Ký-sơn-dung cáo-biệt ra tầu. Cô Gian-nê có lời hỏi chàng rằng,

— Ông Ký-sơn-dung ơi, ở trên tầu một mình ông làm thế nào mà thoát khỏi được tay bọn hắc-nô?

Dương đôi con mắt chong suốt, chàng nhìn cô Gian-nê một lát rồi thỏ-thẻ đáp:

— Ồ! Tôi cũng phải biết tùy-cơ ứng biến chứ... Tôi với chúng, cố-nhiên thỉnh thoảng cũng phải xảy ra những chuyện khó-khăn. Điều đó không sao tránh khỏi được. Cần nhất là không bao giờ tôi để cho chúng tưởng mình là sợ. Mà cái sợ đó một đôi khi tôi không tránh khỏi, nhưng nào chúng có biết đâu!

Khi chàng Ký-sơn-dung ra tầu khỏi chàng Xen-đôn hỏi:

— Đối với chàng thiếu-niên này ý-tưởng cô-nương thế nào? Coi bề ngoài thì ai chả cho rằng chàng không giết nổi con muỗi, ấy thế mà lúc hữu sự chàng cũng biết làm cho tụi hắc-nô táng-đởm kinh-hồn.

«Cách 3 năm trước đây, lúc ấy lên 18 tuổi, chàng mới bắt đầu tập làm quan ba tầu, khi chàng đỗ tầu vào đảo Suy-sơ những dân-cư đảo ấy toàn là đồ vô-lại, toan mưu ngầm để lấy đầu chàng.

«Nguyên lão Bi-ly nhất danh là *Lão-chột* là tên đầu-mục già ở đấy, hắn sai con giai hắn sang Lăng-ga để mộ phu cho những người da trắng. Bất đồ lão mắc bệnh ly rồi chết, thế là người bạch-chủng phải nợ xứ Suy-sơ một cái đầu, không cần phải biết là đầu người nào.

« Chàng Ký-sơn-dung khi ấy còn trẻ quá, chúng tưởng đâu là dễ xử-trí lắm! Chúng bèn phái người đến tầu Mi-nê-va, nói bịa rằng hiện chúng có một toán phu mộ, vậy chàng cho xuồng vào mà đón. Song, khi xuồng vừa đến bến, bao nhiêu người trong xuồng bị giết sạch.

« Chàng Ký-sơn-dung còn một mình ở trên tầu Mi-nê-va, bấy giờ tụi mọi ở Suy-sơ kéo đến bỗ vây. Cũng may lúc ấy trong tay chàng đang cầm một mồi cốt-mìn vừa dự-bị sẵn để đánh cá, chàng liền châm mồi cốt-mìn ném vào bọn mọi đen.

« Nay bắt chàng thuật lại câu chuyện cũ ấy, cũng không lấy gì làm thú-vị. Nhưng, chuyện ấy tụi mọi đen thật đáng kiếp! Đương lúc những đứa còn sống sót thi nhau nhảy lộn nhào đầu xuống biển, chàng ung-dung dong buồm, cắt neo cho tầu ra khơi.

« Người ở Suy-sơ tức chàng lắm. Chúng treo giải thưởng cho người nào lấy được đầu chàng... Giải ấy to lắm, to đến 100 sâu tiền hến, trị giá được tới 100 Anh kim.

« Vậy mà cô-nương tưởng chàng ngần-ngại không dám trở lại đó sao? Không. Mới rồi chàng lại đến đó mộ được 30 tên phu cho đồn-điền của anh em nhà Phụng-cương ở Tuy-la-gi ».

Cô Gian-nê đáp:

— Chẳng ngày nào là ngày trí-thức tôi không được biết thêm một điều mới lạ. Quần-đảo Sa-lô-mông này thật là nơi rất đặc-biệt, mà sự sinh-hoạt ở đó cũng có vẻ khác thường. Ở trên địa-đồ, tưởng nên đánh giấu bằng mùi đỏ... mà cả mùi vàng nữa, vì còn là nơi lam-chướng.

Chàng Xen-đôn nói:

— Cái đó không đủ làm một cái cớ cho ta bỏ ráo đó mà đi. Cái bệnh sốt-rét có thể trị được. Còn về phần đảo Ga-na-ca-na, khi nào rừng-rú khai-khẩn hết, nước tù-hãm bài-tiết hết rồi, thì bệnh-ly, bệnh sốt-rét, tất ít xảy ra. Rồi có một ngày kia, những bệnh ấy tất phải biến mất. Chắc chúng ta sẽ không được thấy cái ngày đó, nhưng ta cũng nên dự-bị cuộc tương-lai.

— Dù tôn-ông nói gì thì nói, tôi vẫn e khí-hậu ở đây không hợp với người bạch-chủng. Không khi nào người bạch-chủng chịu đựng nổi cái nhọc mệt của những công việc làm bằng tay được.



— Điều đó cũng đáng lo.

Cô Gian-nê dõng dạc đáp lại:

— Thế thì tất nhiên là cần phải nhờ đến nô-bộc!

— Trời ơi, cái đó cố nhiên! Nếu không có nô-bộc thì ít ra cũng phải có nhân-công người da đen, cũng như là mọi nơi miền Nhiệt-đới, bọn hắc-nô phải làm việc dưới quyền cai-quản những người bạch-chủng.

« Mà tôi lại xin nói thêm rằng tụi chúng lười biếng lắm, có khi chúng làm lợi không bõ hại. Rồi tất-nhiên phải lấy giống người da nhuôm nhuôm như người Ấn-độ, người da vàng như người Trung-hoa thay vào».

— Vậy thì bọn hắc-nô sẽ bị tiêu-diệt ru?

— Phải, họ sẽ bị tiêu-diệt, cũng như người Ấn-độ ở Bắc-Mỹ. Nói về nhân-chủng thì người Ấn-độ khi ấy còn hơn bọn hắc-nô bấy giờ nhiều lắm. Mặt đất rộng chỉ có hạn, điều đó cô-nương cũng rõ như tôi...

— Mà những kẻ hèn kém không đủ tư-cách tất phải tiêu-diệt?

— Chính thế đấy. Phàm những kẻ nào mà không đủ tư-cách tất phải chết.

Sáng hôm sau, cô Gian-nê còn đang ngủ, bỗng có tiếng ồn-ào rầm-rĩ làm giật mình tỉnh dậy, nàng vội quai cánh tay vớ lấy khẩu súng lục. Nhưng nghe thấy tên Nô-át đứng cạnh ở ngoài cười nức cười nở, nàng biết ngay rằng: không xảy ra chuyện gì nguy-hiểm, liền đứng dậy đi ra xem có chuyện gì.

Thì ra chàng Ký-sơn-dung đem con chó Sa-tăng đến, giữa lúc một toán hắc-nô đang đi qua bờ biển.

Con Sa-tăng to lớn, khỏe mạnh, lông đen, đuôi ngắn, có lẽ cân nặng tới 70 cân. Nó không ưa tụi hắc-nô một chút nào. Nó có tính ấy, là vì chàng Tô-mi-dương cứ ngày ngày đem trói nó lại, rồi bắt 2, 3 tên mọi đen chêu-chọc nó hàng mấy tiếng đồng-hồ, để gây cái lòng ác-cảm của nó đối với tụi kia.

Bởi thế khi nó mới bước chân lên bờ, nó liền làm cho bọn kia chạy toán loạn cả về phía vườn dừa.

(Còn nữa)

Một cuốn sách *thiết-thực* có ích-lợi vừa xuất bản do Nhà-Nước thông-dụng:

LUẬT TRƯỚC-BẠ MỚI

Thể-lệ đương thi-hành thuế trước-bạ, tem, ốp-bộ và Địa-bộ, có thí-dụ dẫn-giải rõ ràng

ĐÔNG-MAI

NGUYỄN-QUANG-THAI

soạn

Sách này sau khi quan Chánh Trước-Bạ Đông-Pháp và quan Chánh Địa-Bộ Đông-Pháp xem qua rồi, Toà Trước-Bạ Trung-Ương lại kiểm-duyệt cẩn-thận

Công-văn số 4.117-E, gửi ngày 27 Septembre 1930,

Quan Giám-Đốc Tài Chính Đông-Pháp có giới thiệu với:

Quan THỐNG-ĐỐC NAM-KỲ,

Quan KHÂM-SỨ TRUNG-KỲ,

Quan THỐNG-SỨ BẮC-KỲ.

nên mua quyển này cho các chức-dịch chốn hương-thôn thông-dụng, vì là một quyển sách thiết-thực rất có ích-lợi cho nhân-dân.

Sách giấy 90 trang **Giá 0$60**

Có gởi bán ở các hiệu sách lớn các nơi.

Ở xa nếu muốn viết thơ thẳng về bản-quán mua, mỗi cuốn xin gởi thêm 0$20 tiền cước.

Phòng chữa mắt Từ-ngọc-Liễn

Mới mở

10, phố hàng Đường — Hanoi

chuyên-môn chữa mắt

và bán thuốc đau mắt

Từ-ngọc-Liên rất

hay giá 0$10

và 0$06.

Hiện đã được nhà Nước

cấp bằng thưởng

Diplôme d'honneur

Một điều đáng chú ý

Có bệnh, tìm lấy thuốc hay mà uống, thì bệnh chóng khỏi mà đỡ tốn tiền. Bổn đường nghiên cứu nghề thuốc rất là tinh tường chữa đâu khỏi đấy, nổi tiếng khắp nơi, ai đã dùng cũng phải công nhận là thuốc tiên. Lược kê giá mấy thứ thuốc rất thần hiệu ra sau này:

Các thứ thuốc chữa

Tư âm ích thận 1 hộp.	2$50
Đàn bà ra nhiều khí hư 1 lọ.	0,40
Điều kinh chủng tử 1 hộp.	3,00
Sản hậu 1 lọ.	0,40
Đau bụng kinh niên 1 lọ.	0,40
Phong thấp tê liệt 1 lọ.	0,30
Lậu kén (giương mai) 1 lọ.	0,50
Lậu nhiệt, cùng lậu rất nọc 1 lọ.	0,50
Ung thư, chàng lạc 1 lọ.	0,30
Sâu quảng, hắc lào, hôi nách, chứng cá, thối tai, trĩ mũi 1 lọ.	0,20
Ngã nước, sốt rét, thổ tả, kiết ly 1 lọ.	0,20
Sài kinh, bách giải, đau mắt, toét mắt, sâu răng, cam răng, tẩy đờm, ho đờm, 1 lọ.	0,10
Cai nha phiến	0,60

Muốn xem mạch hỏi bệnh cho biết rõ căn nguyên cứ đến hỏi:

M. BÙI-NGỌC-BÌNH

Hiệu Bắc-Nguyên-Tường

N° 51, Route de Sinh-Từ — Hanoi

HỒNG-KHÊ

DƯỢC PHÒNG

81, Route de Huế — Hanoi

Téléphone 755

Là một hiệu thuốc có danh tiếng ở Đông-Pháp nhất là môn thuốc bệnh tình. Các bạn hay chơi nên nhớ kỹ.

傘沱書局叢書

TẢN-ĐÀ THƯ-CỤC TÙNG THƯ

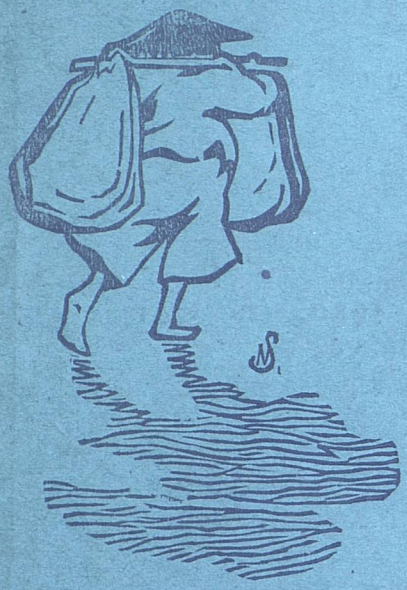

Các sách của **Tản-đà thư-cục,** từ năm **1932** này giở đi thực-sự in ra mãi mãi. Đại-lược chia làm 6 bộ-loại: *Luận-thuyết.— Thơ-ca.— Trước-tác.— Dịch-thuật.— Tiểu-thuyết.— Hài-hý.* Sáu thứ văn ấy lần-lượt nhau, mỗi tháng in ra, ít nhất là *một quyển*, nhiều nhất chừng đến *4 quyển*; mỗi quyển giá bán, ít nhất từ *0$15*, nhiều nhất chừng đến *0$35*. Khuôn-khổ và giấy in, các quyển đều theo như một.

Đã có:

1. — **Tản-đà văn-tập quyển nhất.** (Luận-thuyết-loại) Giá . . . 0$32
2. — **Thề-non-nước** (Tiểu-thuyết-loại). Giá . . . 0,20

Đã đưa in:

3. — **Khối-tình con** (thứ ba).

Nay kính-cáo.

Tản-đà Nguyễn-khắc-Hiếu

Xe ngựa, Xe ô-tô đòn, cùng các đồ dùng đi đám hiếu

Muốn được kiểu đẹp lịch-sự, công việc nhanh tróng mà cẩn-thận nghiêm-trang, giá rẻ hơn các hiệu khác

XIN HỎI HIỆU:

DƯ-MỸ

Số 10, phố hàng Quạt (10, rue des Éventails) HANOI

Bản-hiệu chủ-nhân trước đã chủ-trương các hiệu Tế-mỹ, Phúc-Tường, An-Linh, trông nom công việc ai cũng ngợi-khen, hiện mới tổ-chức hiệu **Dư-Mỹ** trong mấy tháng nay, lại hết công-tâm sửa các đồ nghi-tượng, thấn-dư, rất lịch-sự vững chãi, để dùng trong việc **hiếu** cho hợp cách tân-thời và thêm trân-trọng cho nhà tang-chủ.

Xe ngựa có nhiều hạng từ **10$00** đến **100$00**.

Xe ô-tô rất lịch-sự giá tính tùy theo đám đi xa gần.

Các xe, đòn trước khi đi bản-hiệu chủ-nhân thân xem xét kỹ lưỡng, quyết không có sự đủi do ở đường, (ngựa rất thuần, xe chắc chắn.)

Các nhà hiếu-chủ muốn lấy **xe, đòn, long-đình, lộ-bộ, cờ, biển** đặt **vòng hoa cườm hoa giấy, hoa tươi**, bản hiệu xin có đủ các thứ **cực phẩm**, kiểu đẹp giá rất phải chăng, chắc được các ngài vừa ý.

Bản-hiệu lại nhận cả các việc **khai báo, xin phép** không dám tính tiền, và việc **khâm liệm, nhập quan**, xin đất vân vân.

Ngài nào thấy công việc của bản-hiệu có điều gì không xứng xin viết thơ chỉ giáo bản hiệu sẽ vui lòng sửa đổi, cho ngày càng tận thiên tận mỹ thêm lên.

Sống thì phú-quí vinh-huê
Thác xe. Dư-Mỹ đưa về Tây-phương

DƯ-MỸ CHỦ-NHÂN kính bạch

舉美號
殯車馬
出賃局
賣花圈
價大賤
開報事
不取費錢

河內
正所行扇街十號

Certifié l'insertion l'Administrateur Gérant Ngô-Thuc-DICH — Imp. Trinh-Van-BICH — Hanoi